

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
MÃ CHỨNG KHOÁN: CMV

CAMEX

Luôn luôn đồng hành, luôn luôn chia sẻ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013

CTY TN CAMAU

Trụ sở chính:

Địa chỉ : 70- 72 Đề Thám, Phường 2, TP. Cà Mau

Điện thoại : 0780.3839220- 3838282

Fax : 0780.3834358- 3836893

Email : info@tncm.com.vn

Website : www.tncm.com.vn

MỤC LỤC

	Trang
↪ Thông điệp của Hội đồng quản trị	3
↪ Lịch sử hình thành công ty	5
↪ Vị thế của công ty trong ngành	9
↪ Triển vọng phát triển của ngành	11
↪ Mục tiêu, định hướng phát triển	16
↪ Cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý	17
↪ Thành phần Ban quản trị	21
↪ Báo cáo Hội đồng quản trị	30
↪ Báo cáo Ban Tổng giám Đốc	38
↪ Công ty con và công ty liên kết	49
↪ Cơ cấu tổ chức nhân sự	51
↪ Thông tin cổ đông và quản trị công ty	56
↪ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán	60

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý cổ đông, quý khách hàng, các nhà đầu tư, đối tác cùng toàn thể người lao động Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Kính thưa quý vị, lời đầu tiên, thay mặt Hội đồng quản trị, người lao động Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau gửi đến quý cổ đông, quý đối tác, nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành sâu sắc nhất vì đã tiếp tục và tin tưởng ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Như quý vị đã biết. Qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, trải qua nhiều thăng trầm, nhưng chưa có lúc nào Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau bị khó khăn toàn diện như năm cuối của nhiệm kỳ I (2008-2012), và năm đầu tiên của nhiệm kỳ II (2013-2017).

Từ đầu quý III năm 2012, công ty đã trong thế “*nội công, ngoại kích*” nhân sự cấp cao có kinh nghiệm ra thành lập công ty riêng và trở thành những đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trong nhiều lĩnh vực như: bách hóa, điện máy... Dẫn đến sự biến động liên tục về nhân sự, ảnh hưởng rất mạnh đến hoạt động kinh doanh năm 2013 (vừa đối phó vừa kinh doanh). Nhưng với truyền thống đoàn kết, chung sức chung lòng trong lúc khó khăn của toàn thể người lao động cùng với sự tin tưởng, tín nhiệm của quý đối tác, nhà đầu tư, quý khách hàng, quý cổ đông đã giúp chúng tôi “*Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau*” tiếp tục tồn tại, dù rằng năm 2013 lợi nhuận chỉ đạt 90,3% kế hoạch.

Trải nghiệm và thực tiễn đúc kết cho thấy “*tái cấu trúc toàn diện*” là yêu cầu tiên quyết ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của công ty trong thời điểm hiện nay. Tuy nhiên tái cấu trúc công ty không thể thực hiện trong một năm mà cần phải có một quá trình. Do vậy, xác định năm 2014 vẫn phải tiếp tục kiện toàn và củng cố nội lực để tạo đà cho các năm sau. “*Có an cư mới có lạc nghiệp*” nên chúng tôi đồng thuận cao với kế hoạch kinh doanh năm 2014 vẫn giữ bằng năm 2013:

📊 *Doanh thu: 4.200 tỷ đồng*

🚩 *Lợi nhuận trước thuế: 36 tỷ đồng*

Năm 2014 tiếp tục là năm thứ hai đầy thách thức và áp lực cho Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới. Nhưng chúng tôi luôn vững tin rằng sự ủng hộ của địa phương, của quý khách hàng, các cơ quan ban ngành các cấp, sự tín nhiệm của quý đối tác, quý cổ đông cùng uy tín của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã được khẳng định hơn 30 năm qua tại thị trường Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng và Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp cho tôi hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

Với từng bước đi cẩn trọng, Công ty sẽ điều chỉnh và dịch chuyển phương thức kinh doanh cho phù hợp, tương ứng với thị trường để gia tăng và tối đa hóa lợi nhuận. Đồng thời, Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện mục tiêu của mình đúng với quan điểm: ***“tài chính sạch, trung thực, công khai, minh bạch rõ ràng; ổn định đời sống người lao động, đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư, công ty bền vững và tiếp tục phát triển”***.

Một lần nữa, thay mặt Hội Đồng Quản Trị chúng tôi chân thành cảm ơn và mong sự đồng hành, chia sẻ và đóng góp nhiều hơn nữa từ các nhà đầu tư, quý cổ đông, các đối tác, người lao động để thương hiệu (CMV) ngày càng đứng vững trên thị trường.

Kính chúc tất cả quý vị, quý cổ đông cùng gia đình năm 2014 luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trước đây là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980. Hoạt động kinh doanh giai đoạn này gặp nhiều khó khăn do chủ yếu thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao kể cả về chủ trương chính sách bán hàng, hàng hóa, phạm vi địa bàn hoạt động... Từ năm 1987 – 1996, Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty Xuất Nhập khẩu thị xã Cà Mau (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống thị xã Cà Mau (4/1990), Công ty Vật tư Tổng hợp thị xã Cà Mau (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh Truyền hình Minh Hải (6/1996).

Ngày 10/10/1992, được sự đồng ý của Nhà nước, căn cứ vào quyết định 142/QĐ-UB của UBND tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau), Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập, với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng (trong đó, vốn cố định 1,16 tỷ, vốn lưu động 1,35 tỷ). Sau khi được tái thành lập mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm và nhiều giải pháp đồng bộ, Công ty đã từng bước củng cố, kiện toàn và đã đạt được những bước phát triển ổn định, năm sau cao hơn năm trước. Cuối năm 1996, sau khi chia tách tỉnh Minh Hải thành hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, Công ty chuyển thành doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Cà Mau. Giai đoạn này, doanh thu của Công ty hàng năm đều tăng, chỉ tiêu kinh doanh, nộp Ngân sách do UBND tỉnh giao hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch, hệ thống mạng lưới kinh doanh, mạng lưới đại lý bán lẻ được hình thành ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng; cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển phục vụ kinh doanh tương đối hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2007, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 06/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau. Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau. **Ngày 28/11/2007, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX).** Ngày 01/12/2007, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào đi vào hoạt

động theo giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 với vốn điều lệ là 70 tỷ VNĐ.

Trong suốt quá trình hoạt động, với sự nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể CBCNV, đặc biệt là những năm đầu sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã được các cấp lãnh đạo của tỉnh, Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu, khen thưởng liên tục nhiều năm liền:

- **Huân chương lao động hạng nhì năm 1999.**
- **Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (1989-1999) năm 2000.**
- **Được xếp hạng Doanh nghiệp Nhà nước hạng I năm 2006.**
- **Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.**
- **Liên tục trong các năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.**
- **Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam), 2009 , 2010, 2011, 2012 và năm 2013 (Top 100)**
- **Được xếp hạng trong bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012 và năm 2013 do Công ty cổ phần Báo Cáo Việt Nam (VN Report) phối hợp với Vietnamnet thực hiện.**
- **Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.**
- **Các bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau về các thành tích xuất sắc trong các công tác xã hội, như công tác vận động quỹ “Đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa”, đóng góp ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”....**

Quá trình tăng vốn

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VĐL tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (đồng)	Hình thức tăng vốn
2007	Vốn điều lệ		70.000.000.000	

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	VĐL tăng thêm (Đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (đồng)	Hình thức tăng vốn
	ban đầu			
2009	Vốn điều lệ	10.499.860.000	80.499.860.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và Esop cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%
2010	Vốn điều lệ	15.293.520.000	95.793.380.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%
2011	Vốn điều lệ		95.793.380.000	
2012	Vốn điều lệ		121.039.120.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành Esop cho cán bộ CNV tỷ lệ 5% và Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%
2013	Vốn điều lệ		121.039.120.000	

TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

Số: 70-72 Đề Thám - Phường 2 - TP. Cà Mau



VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH

Kinh doanh xăng dầu:

Tình hình kinh doanh xăng dầu thời gian qua trên địa bàn thực hiện theo nghị định 84 của chính phủ quy định về việc kinh doanh xăng dầu. Do đó việc kinh doanh xăng dầu trên được sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Các đơn vị kinh doanh đã xây dựng được hệ thống phân phối từ doanh nghiệp đầu mối đến tổng đại lý và đại lý bán lẻ đảm bảo hàng hóa thông suốt phục vụ kịp thời cho sản xuất và tiêu dùng của người dân. Tại địa bàn Tỉnh Cà Mau có nhiều đầu mối tham gia kinh doanh như : Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, Petrolimex Cà Mau, Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Xăng dầu Bạc Liêu, Công ty Xuất Nhập Khẩu Đồng Tháp, Chi nhánh PVOil Mêkông tại Cà Mau. So với các doanh nghiệp đầu mối trên địa bàn, Công ty CP thương Nghiệp Cà Mau thời gian qua được xem là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và có ảnh hưởng lớn đến thị trường. Với hệ thống gồm 17 cửa hàng và hơn 200 đại lý bán lẻ phủ khắp địa bàn trong tỉnh Cà Mau, Công ty là đơn vị có mạng lưới bán lẻ xăng dầu lớn thứ hai sau Petrolimex Cà Mau, do đối thủ này có tiềm lực mạnh về tài chính và được sự hậu thuẫn của Petrolimex – là doanh nghiệp đầu mối đứng đầu cả nước hiện nay. Tuy nhiên, *về mảng bán buôn, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau là doanh nghiệp đứng đầu tỉnh về thị phần và doanh số bán ra*, với hơn 30 năm trong ngành, Công ty đã tạo dựng được mối quan hệ làm ăn lâu dài với các đại lý và các khách hàng công nghiệp.

Lĩnh vực bách hóa:

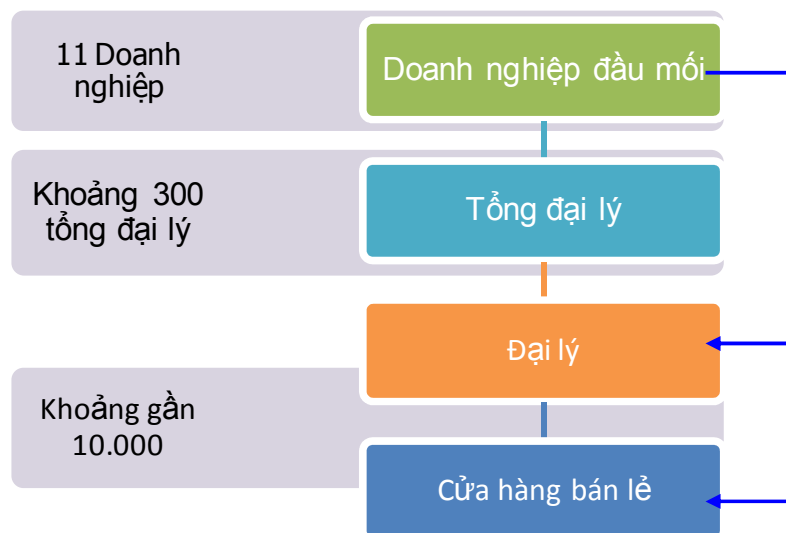
Thị trường bách hóa Cà Mau hiện nay thì ngoài các cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ của các đơn vị tư nhân và hộ gia đình, chỉ có khoản 03 công ty chính thức hoạt động trong lĩnh vực này: Coopmart Cà Mau, Chi nhánh Công ty CP Dầu khí Xăng dầu Bạc Liêu, Công ty Cổ phần Nông sản Xuất khẩu Cà Mau . Xuất phát từ Cửa hàng bách hóa tổng hợp, *Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau được coi là Công ty đi đầu thị trường trong lĩnh vực này*. Với mô hình hiện đại và tiện dụng cùng hệ thống tự chọn lên tới 26 cửa hàng, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau *chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ bách hóa tại địa bàn tỉnh*. Tuy mới xuất hiện vào năm 2012 nhưng Coopmart với hệ thống phân phối chuyên nghiệp và một số nhà phân phối bách hóa từ CBCNV Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà

Mau ra làm riêng sẽ là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau hiện tại và trong tương lai.

TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

Tổng quan thị trường xăng dầu:

Là mặt hàng chiến lược, thị trường xăng dầu Việt Nam hiện nay đang được sự quan tâm rất lớn của Nhà nước và cả người tiêu dùng. Tỷ lệ bán lẻ xăng dầu hiện nay chiếm 50 – 60%, so với con số 10% của những năm trước 2000, do đó sự biến động trong giá cả xăng dầu đã trở thành mối quan tâm lớn của công luận. Cơ cấu của hệ thống kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam có thể hiểu qua sơ đồ sau:



Hệ thống kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam

Hiện nay đang có 19 doanh nghiệp đầu mối được phép nhập khẩu xăng dầu, sau đó đưa xăng dầu tới tay người tiêu dùng thông qua các Tổng đại lý hoặc trực tiếp qua hệ thống phân phối bao gồm gần 10.000 đại lý và cửa hàng xăng dầu trên phạm vi cả nước, trong đó, có trên 8.000 cửa hàng thuộc của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, và 2.000 cửa hàng của các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu. Hiện nay, ngoài Petrolimex VN và Saigon Petro đã có hệ thống đại lý trực tiếp, hầu hết các doanh nghiệp còn lại chủ yếu bán hàng thông qua những Tổng đại lý. Petrolimex, với việc tự chủ được hơn 6.000 cây xăng, trong đó 1.720 cây xăng thuộc chủ sở hữu, nắm giữ 57% thị phần, 18 doanh nghiệp đầu mối chia nhau 43% thị phần còn lại.

Năm 2007, với sự ra đời của Nghị định 55, kinh doanh xăng dầu được cho là có tính đột phá: kinh doanh theo cơ chế thị trường, tuy nhiên, theo nhận định của nhiều chuyên gia,

ngiht định này chưa thực sự vận hành, đặc biệt là điều khoản giá. Do xăng dầu là mặt hàng chiến lược, có ảnh hưởng mạnh tới mọi mặt của kinh tế, Nhà nước vẫn phải can thiệp vào việc kinh doanh mà chủ yếu là can thiệp vào giá. Điều này đã đưa đến tình trạng gần 10.000 cửa hàng bán lẻ xăng dầu Việt Nam đều có chung một mức giá bán lẻ như nhau, dù giá vốn của các doanh nghiệp đầu mỗi khác nhau, lãi lỗ của từng doanh nghiệp cũng khác nhau. Đặt quá nhiều mục tiêu trong 1 lít xăng, trong khi chỉ áp dụng 1 biện pháp duy nhất là bù giá, đã làm giá xăng nội địa không theo kịp giá thế giới, bằng chứng là khi giá thế giới giảm sâu thì giá trong nước giảm nhỏ giọt. Doanh nghiệp vẫn chưa có thực quyền về xác định giá bán. Tuy nhiên, từ ngày 15/12/2009, Nghị định 84 quy định rõ doanh nghiệp được phép điều chỉnh giá bán khi yếu tố cấu thành giá thay đổi – nghĩa là nhà nước bỏ cơ chế ấn định giá - các chuyên gia vẫn còn ngò vực về một thị trường xăng dầu cạnh tranh thực sự theo cơ chế thị trường, khi một doanh nghiệp vẫn đứng ở vị trí gần như độc quyền với 57% thị phần.

🚧 Triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, đáp ứng nhu cầu cho hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế như công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp và vận tải. Cho đến nay, vẫn chưa có một loại nhiên liệu nào có thể thay thế hữu hiệu cho nguồn năng lượng này, do đó, lượng sản phẩm bán ra không bị biến động nhiều dù giá cả bị ảnh hưởng bởi các nhân tố liên quan. Phát triển kinh doanh xăng dầu có mối quan hệ mật thiết với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Một nền kinh tế phát triển chắc chắn sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng xăng dầu gia tăng.

Trung bình, cả nước mỗi tháng tiêu thụ khoảng 300.000 m³ xăng, tương đương khoảng 10 triệu lít/ ngày. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước không ngừng tăng lên trong các giai đoạn sắp tới. Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển ngành dầu khí cũng chỉ ra rằng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ở Việt Nam trong giai đoạn này (năm 2011 - 2020) vào khoảng 6 - 7%/năm và khoảng 4 - 4,5%/năm từ năm 2021 – 2050.

Cách TPHCM 370 km, với hệ thống giao thông thuận tiện và đang được chú ý đầu tư phát triển, Cà Mau có thể coi là 1 vùng kinh tế nhiều tiềm năng trong tương lai. Nằm trong vùng tứ giác được đầu tư phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, Tây Sông Hậu và bán đảo Cà Mau, Nhà nước cũng như địa phương, tỉnh đang tích cực triển khai xây dựng những công trình đầu tư lớn như cảng hàng không Cà Mau, Quốc lộ 1A từ đất mũi Cà Mau, khu công nghiệp Khánh An, Năm Căn... và đặc biệt

là khu liên hợp Khí - Điện - Đạm, với một nhà máy đạm công suất 800 ngàn tấn/ năm. Những công trình trọng điểm này đã tạo cho Cà Mau một diện mạo mới, mở ra cơ hội cho kinh tế Cà Mau phát triển, đồng thời, kéo theo nhu cầu sử dụng nguồn nhiên liệu, bao gồm cả xăng dầu, để vận hành nền kinh tế.

Với đặc thù là một miền sông nước với hệ thống sông ngòi dày đặc, phương tiện giao thông đường thủy là chính; tàu thuyền nhiều, các hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Các yêu cầu về phục vụ cho sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa, đi lại của nhân dân rất lớn. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, tiềm năng lớn để phát triển thủy hải sản, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản sẽ tăng lên đáng kể, đồng nghĩa với việc gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho ghe xuồng đánh bắt cá - đặc biệt là dầu DO. Những chính sách ưu đãi của Nhà nước cũng như những tín hiệu đáng mừng từ các thị trường xuất khẩu mới trên thế giới...

CỬA HÀNG XĂNG DẦU ĐỊNH BÌNH
Quốc lộ 1A - Ấp Cây Trâm - Xã Định Bình - TP.Cà Mau



CỬA HÀNG XĂNG DẦU HƯNG MỸ
Áp Lý Ân - Xã Hưng Mỹ - Huyện Cái Nước - Tỉnh Cà Mau



Triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh bách hóa:

Theo đánh giá mặc dù nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng hiện nay vẫn chưa hồi phục nhưng thị trường bán lẻ vẫn tiếp tục diễn ra sôi động, thu hút các nhà bán lẻ trong nước và quốc tế. Trong tương lai gần sẽ có thêm nhiều nhà bán lẻ lớn tham gia vào thị trường như Tesco (Anh), Wal-mart (Mỹ) và Fair-Price(Singapore). Điều này cho thấy triển vọng phát triển của thị trường bán lẻ là rất đáng kỳ vọng và khả quan.

Với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế trong thời gian tới, thu nhập và đời sống của người dân dần được cải thiện, từ đó, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo, đó là điều kiện tốt để phát triển thị trường bán lẻ. Hiện nay, phần lớn người tiêu dùng có thói quen mua các mặt hàng thực phẩm (nhất là thực phẩm tươi sống) tại các chợ, các hộ kinh doanh độc lập. Trong những năm tới, cùng với quá trình đô thị hoá, thu nhập của dân cư tăng, ý thức về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm tốt hơn nên xu hướng mua hàng tại các loại hình siêu thị, cửa hàng chuyên doanh tăng cao, với tốc độ dự kiến trên 150%/năm.

Tỉnh Cà Mau với hơn 1,2 triệu dân, trong đó dân số nông thôn chiếm 75% nên nhu cầu tiêu dùng còn rất lớn. Với triển vọng và tiềm năng phát triển kinh tế của Cà Mau sẽ kéo theo nhu cầu chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng tại đây tăng cao. Một điển hình cho triển vọng phát triển của lĩnh vực bách hóa như phiên chợ “Hàng Việt về nông thôn” đã được đồng đảo người dân nông thôn ủng hộ. Các đợt đưa hàng Việt về nông thôn của công ty đều thu được kết quả hết sức khả quan trong các năm 2011- 2013. Ý thức người tiêu dùng ở nông thôn hiện nay đã quen dần với việc dùng hàng hóa sản xuất trong nước có chất lượng

tốt và nói không với hàng Trung Quốc vốn để lại rất nhiều tai tiếng về chất lượng trong thời gian qua

Xuất khẩu hàng thủy hải sản tại Tỉnh Cà Mau đứng đầu cả nước trong nhiều năm liền, là thế mạnh của Tỉnh vừa tạo ra nguồn thu lớn cho Tỉnh vừa tạo ra công ăn việc làm ổn định thu nhập cao cho người dân. Từ đó đã thúc đẩy nhu cầu mua sắm, trang bị của bà con nông ngư dân.

Việc khôi phục lại phương thức kinh doanh truyền thống kết hợp 01 vụ lúa, 01 vụ tôm đã tạo nên thu nhập ổn định cho người dân, từ đó góp phần gia tăng sức cầu cho thị trường hàng tiêu dùng.

CỬA HÀNG BÁCH HÓA TỰ CHỌN PHƯỜNG 5
Số 45 - Trần Hưng Đạo - Khóm 4 - Phường 5 - TP.Cà Mau



Với mục tiêu phát triển ổn định bền vững, tương xứng với vị thế và tiềm năng, nâng cao uy tín thương nghiệp của Công ty, mở rộng thị phần duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5% đến 12%, đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư và cổ đông, nâng cao đời sống của người lao động.

- Trước mắt, Công ty vẫn tập trung vào thị trường Cà Mau, với lĩnh vực xăng dầu, Công ty tiếp tục giữ vững thị phần bán buôn đồng thời phát triển nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng, phát triển hệ thống đại lý bán lẻ

đến các vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1-2 cây xăng mới nằm trên các vị trí đắc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh. Đối với kinh doanh bách hóa, Công ty đang mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này. Với phương thức bán buôn – bán buôn lẻ và bán lẻ

➤ ***Phân đầu trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thị trường*** ở tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng

Phát huy lợi thế tối đa các ngành nghề khác để gia tăng lợi nhuận như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas...

➤ Xây dựng chiến lược phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu của công ty phù hợp với Đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2013 - 2017.

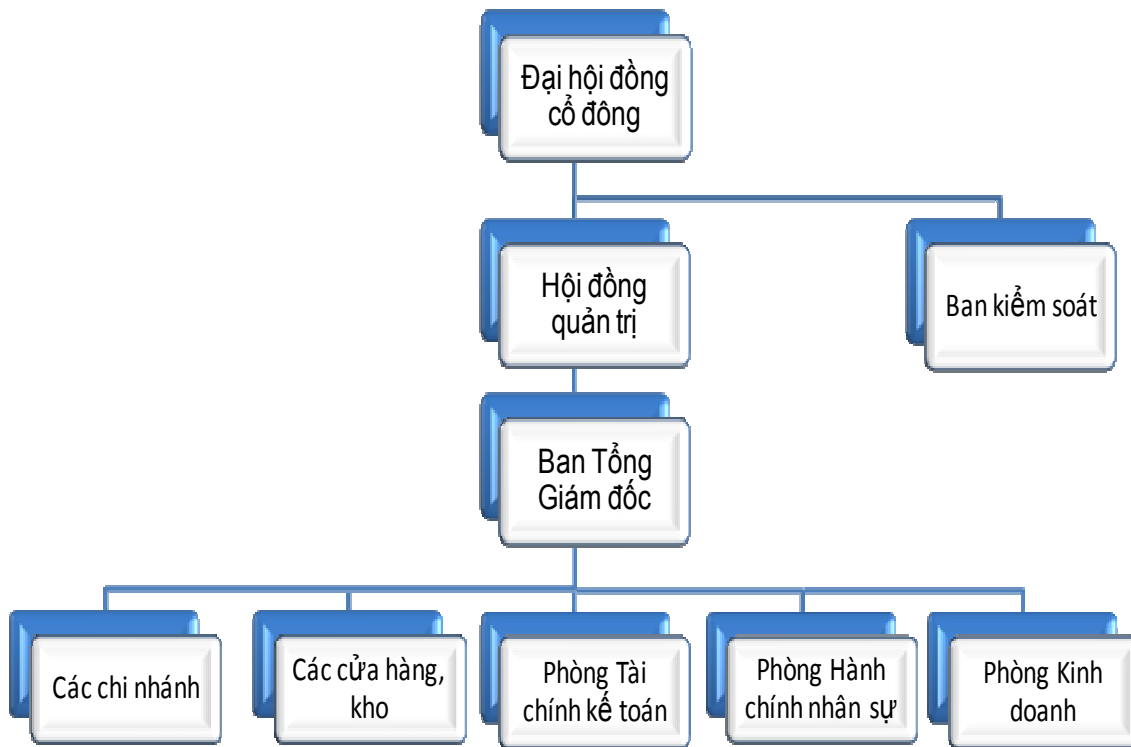
Bảng: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2013 – 2017.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016	2017
Vốn điều lệ	tỷ đồng	121	121	121	128	128
Doanh thu thuần	tỷ đồng	4.200	4.200	4.800	5.200	5.600
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	36	36	40	42	44
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	27	29	30	31,5	33
Tỷ lệ trả cổ tức	%	15 %	16%	16%	16%	16%

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và 03 phòng ban, 02 đơn vị thành viên, 04 Chi nhánh và 44 Cửa hàng trực thuộc.
- Công ty có cơ cấu bộ máy quản lý theo đúng mô hình công ty cổ phần bao gồm:

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



*** Đại hội đồng Cổ đông:**

Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ

đồng Công ty, quyết định tổ chức lại và giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

**** Hội đồng quản trị:***

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

**** Ban kiểm soát:***

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ đông, bao gồm 3 (ba) thành viên, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

**** Ban Tổng Giám Đốc:***

Ban Tổng giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành và quyết định cao nhất mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc:

- Quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
- Quyết định lương và các phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- Tuyển dụng lao động.
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Nhiệm vụ chức năng các phòng ban:

▪ **Phòng kinh doanh**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty các mặt công tác về quản lý điều hành kinh doanh, quan hệ với đối tác, khách hàng, mở rộng phát triển thị trường xây dựng kế hoạch và định hướng kinh doanh.
- Đề xuất chính sách về bán hàng, chính sách giá cho từng lĩnh vực, từng thị trường, từng thời điểm và tổ chức thực hiện khi được sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức khai thác các nguồn hàng bảo đảm thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Soạn thảo các văn bản, hợp đồng kinh tế ký với các đối tác và theo dõi việc thực hiện hợp đồng, lưu trữ quản lý hợp đồng.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc vận chuyển hàng hóa, giao nhận hàng, quản lý hàng tồn kho,... Thực hiện việc tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Kiểm tra việc tổ chức hoạt động kinh doanh, việc thực hiện chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị, bộ phận trực thuộc kịp thời đề xuất xử lý giải quyết những vướng mắc trong quá trình kinh doanh tạo thuận lợi cho các đơn vị bộ phận hoạt động.

▪ **Phòng Tài chính kế toán và tin học**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức bộ máy kế toán, điều hành hạch toán, quyết toán về hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, nguồn vốn đúng quy định của pháp luật.
- Lập báo cáo kế toán, phân tích so sánh hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra kiểm soát, thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Theo dõi công nợ phải thu, phải trả phản ảnh kịp thời và quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, tiền gửi, thanh toán nội bộ, thanh toán cho khách hàng.
- Kiểm tra kiểm soát chặt chẽ chứng từ hóa đơn phát sinh trong việc nhập, xuất, mua bán hàng hóa, công tác phí, giao dịch, vận chuyển, văn phòng phẩm, điện nước và các khoản phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.
- Theo dõi các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng, đối tác kịp thời thanh lý các hợp đồng đã thực hiện xong.
- Thực hiện quyết toán quý 6 tháng, 9 tháng, năm theo quy định.
- Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện nghiệp vụ công tác kế toán theo quy định và quản lý giám sát việc thực hiện.
- Thực hiện đúng nguyên tắc, quy định quản lý tài chính trong việc ghi chép phản ảnh đầy đủ chính xác, trung thực, kịp thời toàn bộ tài sản, hàng hóa, vật tư, tiền vốn phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Lập kế hoạch tài chính, cân đối các nguồn vốn bảo đảm cho kế hoạch kinh doanh, sửa chữa, mua sắm phương tiện, xây dựng mở rộng mạng lưới của Công ty.

- Tổ chức kiểm kê theo định kỳ để đánh giá tài sản hàng hóa toàn Công ty và đề xuất xử lý những tồn tại phát sinh.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các đề án, dự án khả thi về xây dựng, sửa chữa, mua sắm tài sản, công cụ phục vụ kinh doanh theo đúng yêu cầu cần thiết, tiết kiệm, hiệu quả tránh gây thất thoát lãng phí.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng chương trình quản lý và ứng dụng công nghệ-tin học phục vụ cho công tác quản lý, kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm quản lý các dữ liệu, quản lý lưu trữ hồ sơ kế toán, quyết toán, báo cáo theo quy định của pháp luật.

▪ **Phòng hành chính nhân sự:**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về tuyển dụng, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật; quản lý tổ chức cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho NLĐ toàn Công ty.
- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Theo dõi biến động tăng giảm lao động, nghiên cứu đề xuất việc tổ chức bộ máy các phòng và đơn vị trực thuộc.
- Quản lý, sử dụng chặt chẽ con dấu của Công ty, thực hiện cấp công lệnh, lệnh điều động phương tiện ghe, xe đi công tác, giấy nghỉ phép năm và các văn bản thông thường khác trong phạm vi trách nhiệm được sự ký duyệt của Ban Tổng Giám đốc hoặc sự ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, trật tự an ninh xã hội trong Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Quản lý việc thực hiện trong công việc chi phí văn phòng phẩm, phương tiện, dụng cụ làm việc đề xuất biện pháp thực hành tiết kiệm trong sử dụng.
- Thực hiện và tham gia công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động.
- Hàng năm kết hợp với các phòng ban tham gia xây dựng xét duyệt đơn giá tiền lương cho đơn vị.

THÀNH PHẦN BAN QUẢN TRỊ

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- **Hội đồng quản trị Công ty:** Gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 05 năm lần thứ hai (2013-2017).

- Ngày 04/05/2013 ông Dương Du Minh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Thành viên Hội đồng quản trị.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm rất cao, đưa ra các quyết định đúng đắn vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Năm 2013 HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp và đã thống nhất ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị với nội dung quyết định các mục tiêu, chiến lược thực hiện phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thành phần HĐQT:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Chủ tịch	04/05/2013	
02	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên	04/05/2013	
03	Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên	04/05/2013	
04	Ông Thái Trường An	Thành viên	04/05/2013	
05	Ông Dương Du Minh	Thành viên	04/05/2013	

- Tóm tắt lý lịch HĐQT:

a. Bà Nguyễn Thị Việt Anh:

- Giới tính : Nữ

- Sinh ngày : Ngày 01 tháng 12 năm 1956

- Nơi sinh : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau

- Địa chỉ thường trú: Số 184 Ngô Quyền – K1 – P9 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Điện thoại : CQ: 0780. 3822772 ĐD: 0913. 893233

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế – Khoa Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 6/1975 đến tháng 8/1978 công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau.

+ Từ tháng 8/1978 đến tháng 11/1982 chuyển về Cửa hàng bách hoá tổng hợp thị xã Cà Mau làm Kế toán trưởng Cửa hàng.

+ Từ tháng 11/1982 thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Cty.

+ Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đến nay.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP In Bạc Liêu

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sách Thiết Bị Cà Mau

+ Ủy viên HĐQT Công ty CP Cà Phê PETEC

- Số cổ phần nắm giữ: 390.653 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 602.027 cổ phần

Trong đó: + Chồng: Nguyễn Văn Hậu: 374.465 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Việt Hùng: 115.822 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Thị Việt Ngọc: 103.824 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Việt Phương: 7.916 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b. Ông Lê Xuân Trình:

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 16 tháng 01 năm 1961

- Nơi sinh : Tỉnh Hưng Yên

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Tỉnh Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Số 91/18A1 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: CQ: 08-39106990 ĐD: 0903. 800173

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư kinh tế, Kỹ sư Địa Vật lý.

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 12/2006 – 06/2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).

+ Từ tháng 07/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam(PVOIL) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) .
- Số cổ phần nắm giữ: 2.158 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.662.534 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Tổng Công ty Dầu Việt Nam- Công ty TNHH Một Thành Viên)
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c. Ông Nguyễn Văn Hóa:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 05 tháng 07 năm 1957
- Nơi sinh : Thanh Hà, Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 741 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, Quận 7 , TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại cơ quan: (84-8) 39303299 - 3903633
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa.
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 8/1978 - 7/1992: Cán bộ kỹ thuật; Phó chủ nhiệm kho dầu C – Tổng kho xăng dầu Nhà Bè; Phó phòng kinh doanh Công ty Xăng dầu Khu vực II.
 - + Từ tháng 7/1992 - 1/2008: Giám đốc Xí nghiệp xăng dầu cát Lái- Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec).
 - + Từ tháng 1/2008 - 8/2009: Phó phòng kế hoạch đầu tư Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec).
 - + Từ tháng 8/2009 - 5/2010: Phó phòng kinh doanh xăng dầu Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec).
 - + Từ tháng 5/2010 đến nay: Phó Bí thư Đảng ủy, Trưởng ban Tổ chức nhân sự Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư- Công ty Cổ phần (Petec).
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.273.490 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Công ty CP Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư Petec)
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d. Ông Thái Trường An:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 12 tháng 10 năm 1970
- Nơi sinh : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: **Số 89 Đổ Thừa Tự – Phường 1 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau.**
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839499 ĐD: 0913. 893491
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/1992 -> 10/1994 Kế toán Công ty Liên doanh Euro Gành Hào.
 - + Từ tháng 11/1994 -> 03/1997 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 04/1997 -> 01/2007 Kế toán trưởng Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 02/2007 -> 11/2007 Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau đến nay.
- Số cổ phần nắm giữ: 129.459 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 8.056 cổ phần
 - Trong đó: - Vợ: Đặng Cẩm Lệ : 4.692 cổ phần
 - Em ruột: Thái Thị Thùy Trang : 3.364 cổ phần
 - Em ruột: Thái Bào Ninh : 23cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

e. Ông Dương Du Minh:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : Ngày 26 tháng 01 năm 1996
- Nơi sinh : TP. Bạc Liêu – Tỉnh Bạc Liêu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Tỉnh Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú: Số 174A, Trần Hưng Đạo Phường 5 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3835028 ĐD: 0913. 990871
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 1987 -> 1994 : Làm việc tại Ngân hàng Công Thương Thị xã Bạc Liêu
 - + Từ tháng 1995 -> nay : Làm việc tại Ngân hàng Ngoại Thương Cà Mau.
 - + Ngày 04/05/2013 tại Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2013 được bầu vào Ủy viên HĐQT Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

- **Ban Tổng Giám đốc điều hành:** Có 03 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực của Công ty trong năm qua.

- **Thành viên Ban Tổng Giám đốc:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	28/12/2007	
02	Ông Thái Trường An	Phó TGD	28/12/2007	
03	Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó TGD	30/12/2009	
04	Ông Phù Chí Anh	Phó TGD	02/01/2013	

- **Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc:**

a. Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Ánh:

(Như điểm a phần 1)

b. Phó Tổng Giám đốc - Ông Thái Trường An:

(Như điểm d phần 1)

c. Phó Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc:

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : Ngày 19 tháng 05 năm 1971
- Nơi sinh : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Địa chỉ thường trú: Số 90A/58 Âu Dương Lân, P3, Q8, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3831072 ĐD: 0903. 662349
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thương mại
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1994 đến tháng 3/1998 Nhân viên Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 4/1998 đến tháng 11/2002 Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2002 đến tháng 11/2004 Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2004 đến tháng 6/2008 Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty CP Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 7/2008 đến 12/2009 Trưởng Chi nhánh Cty tại TP. Hồ Chí Minh.
 - + Từ tháng 01/2010 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 103.824 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 627.837 cổ phần
 - Trong đó: + Chị ruột : Nguyễn Thị Việt Ánh: 390.653 cổ phần
 - + Anh ruột : Nguyễn Việt Hùng: 115.822 cổ phần
 - + Chị ruột : Nguyễn Việt Phụng: 7.916 cổ phần
 - + Chồng : Phan Tiến Dũng: 113.446 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d. Phó Tổng Giám đốc - Ông Phù Chí Anh:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : Ngày 23 tháng 8 năm 1974
- Nơi sinh : TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán : Tỉnh Ninh Thuận
- Địa chỉ thường trú: Số 165/16 Rạch Chùa – Phường 4 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839220 ĐD: 0913. 699669
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 02/1998 -> 12/2001 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
 - + Từ tháng 01/2002 -> 01/2007 Phó phòng Kinh tế-Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 02/2007 -> 11/2007 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính-Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 12/2007 đến tháng 12/2013 Kế toán trưởng Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ ngày 02/01/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Ủy viên HĐQT Công ty CP In Bạc Liêu.
- Số cổ phần nắm giữ: 92.269 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 6.502 cổ phần
 - Trong đó: - Vợ: Quách Duy Tâm: 6.502 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

3. BAN KIỂM SOÁT:

- **Ban Kiểm soát:** Có 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- **Các thành viên Ban Kiểm soát:**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban	04/05/2013	
02	Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	04/05/2013	
03	Ông Ngô Thế Anh	Thành viên	04/05/2013	

- Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát

a. Ông Trần Chí Hiếu:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 05 tháng 7 năm 1962
- Nơi sinh : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: 219 Lý Thường Kiệt – Phường 6 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0780. 2241101 ĐĐ: 0913. 893498
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/1981 -> 04/1997 giữ các chức vụ: Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 05/1997 -> 11/2007 Phó Giám đốc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2007 đến nay giữ các chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau, Giám đốc Cty TNHH một thành viên Bách Việt.
- Số cổ phần nắm giữ: 74.967 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b. Ông Nguyễn Tấn Tài:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 26 tháng 04 năm 1985
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 11 9ường 9B, khu phố 5, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc: ĐĐ: 0908.269252
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân – Quản trị kinh doanh Học viện Phát triển Quản lý Singapore.
- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 05/2011 đến nay: Chuyên viên đầu tư Chi nhánh phía Nam- Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP phát triển Nhà Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c. Ông Ngô Thế Anh:

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 15 tháng 07 năm 1983

- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Cà Mau.

- Địa chỉ thường trú: 72K đường Kinh xáng Bạc Liêu, Khóm 6, Phường 6, TP. Cà Mau

- Số điện thoại: : 0977.765875

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 7/2006 – tháng 05/2008 : Nhân viên Ban Pháp chế- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh.

+ Từ tháng 5/2008 – tháng 02/2011: Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế- Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil).

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 0 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. THÙ LAO HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, năm 2013 Công ty đã chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát và Thụ ký HĐQT là: 444.000.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho HĐQT : 324.000.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho Ban Kiểm soát : 96.000.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho Thụ ký HĐQT : 24.000.000 đồng

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

- Tổng tài sản tăng từ 486,057 tỷ đồng lên 528,77 tỷ đồng **tăng 8,78% so với năm 2012.**

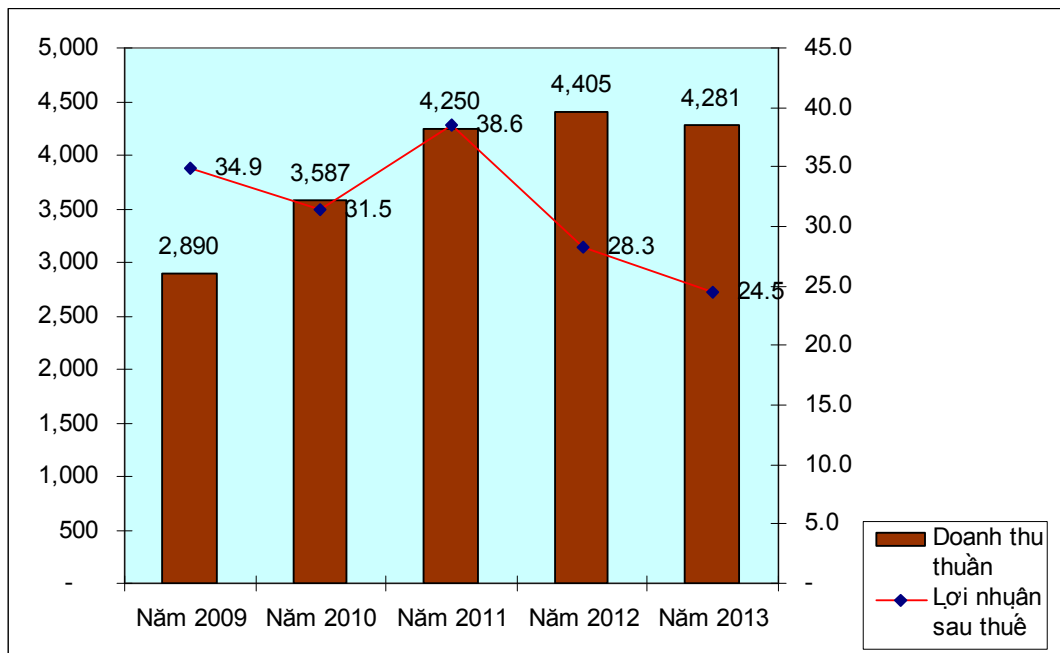
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt: 4.281 tỷ đồng giảm **2,8% so với năm 2012, vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 là: 1,9%.**

- Lợi nhuận trước thuế đạt: 32,501 tỷ đồng giảm 11,3% so với năm 2012, đạt 90,3% chỉ tiêu kế hoạch

- Lợi nhuận sau thuế đạt: 24,4 tỷ đồng giảm 13,63% so với năm 2012, đạt 90,69% chỉ tiêu kế hoạch.

Mặc dù không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, nhưng với điều kiện kinh doanh khó khăn như năm 2013 thì kết quả lợi nhuận như trên là đáng khích lệ và phấn khởi, khẳng định xu thế phát triển bền vững của công ty trong tương lai.

Biểu đồ kết quả kinh doanh qua các năm 2009-2013



Nguồn: Báo cáo phân tích doanh thu- lợi nhuận CMV năm 2009-2013

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SO VỚI CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Theo định hướng chiến lược ***mỗi năm Công ty sẽ xây dựng thêm từ 01-03 cửa hàng mở rộng mạng lưới kinh doanh phủ xuống các huyện trong Tỉnh Cà Mau*** và các địa bàn trọng điểm ở 03 Tỉnh bạn: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang. Thực tế từ sau khi cổ phần hóa mạng lưới kinh doanh của công ty phát triển không ngừng từ năm 2008 đến nay thành lập mới 03 công ty con, 01 chi nhánh, 01 Trạm chiết nạp gas công suất 600 tấn/tháng và 13 cửa hàng mới. Theo đó doanh thu của Camex cũng không ngừng phát triển, vị thế của công ty ngày càng được củng cố, trở thành một thương hiệu lớn được đông đảo người tiêu dùng, nhà đầu tư trong nước quan tâm, biết đến.

Nâng cao tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, kịp thời trong công bố thông tin tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát mọi diễn biến về tình hình hoạt động của công ty.

Thực hiện tốt các quy định về quản lý thuế, nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước cũng như chuẩn mực về kế toán Việt Nam hiện hành. Tích cực ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt.

Hoạt động của các công ty con sau một năm đã đi vào ổn định về tổ chức, cơ chế quản lý, điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn so với các năm trước đây, nhờ tận dụng được lợi thế sẵn có kết hợp với những thế mạnh hỗ trợ từ công ty mẹ.

Với chính sách trẻ hóa đội ngũ lao động, từ sau cổ phần hóa công ty đã mạnh dạn sử dụng, bổ nhiệm những lao động trẻ có trình độ và năng lực vào những vị trí điều hành thay thế cho những người cũ không còn thích nghi với điều kiện mới, cơ cấu lại lao động ở từng bộ phận. Từ đó đã từng bước phát huy được hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ***hiệu suất lao động được nâng cao, doanh thu và lợi nhuận cũng tăng trưởng vượt bậc so với trước cổ phần hóa.***

*** Công tác tổ chức:**

Xác định ***“con người”*** vốn là nhân tố quyết định nên HĐQT luôn quan tâm chỉ đạo sắp xếp tinh gọn hiệu quả trên cơ sở cán bộ, người lao động có đạo đức, có năng lực, giỏi nghiệp vụ, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc. Tuy nhiên với điều kiện thực tế tại địa phương, với chính sách đào tạo nghiệp vụ tại địa phương những sinh viên hầu như không đạt ở các kỳ thi đại học quốc gia nên khi vào trường địa phương trình độ và nghiệp vụ không đáp ứng với công việc và không tương xứng với bằng cấp chứng nhận. Và một số lao động thực dụng qua quá trình làm việc thực tế, tích lũy kinh nghiệm tại Công ty lại chuyển sang các ngành khác như ngân hàng, các công ty liên doanh có thu nhập cao hơn và áp lực công việc nhẹ nhàng hơn (Công ty vẫn hoạt động cả ngày Thứ bảy, Chủ nhật và các ngày lễ nghỉ).

Năm 2013 tiếp tục lại là một năm biến động và phân hóa mạnh về nhân sự. Kể từ ngày đầu thành lập Công ty 01-12-2007 mới đi vào hoạt động được hơn một quý thì nhân sự HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có sự biến động. Và tiếp tục đến hôm nay mặt trái của cơ chế thị trường việc dịch chuyển nhân sự cấp cao trở thành đối thủ trong cạnh tranh đã làm tác động đến các hoạt động kinh doanh và ảnh hưởng đến uy tín với các đối tác và các khách hàng.

*** Về lao động:**

- Tổng số lao động đầu năm	: 657 người (166 nữ)
<i>Trong năm:</i> + Tuyển dụng	: 186 người
+ Bổ nhiệm	: 29 người
+ Điều chuyển, luân chuyển	: 202 lượt người
+ Nghi việc (sa thải, chấm dứt HĐLĐ)	: 186 người
+ Kỷ luật, khiển trách, kéo dài thời hạn nâng lương	: 5 người
- Tổng số lao động có đến ngày 31/12/2013	: 657 người (166 nữ)
<i>Trong đó:</i> + Ban TGD	: 04 người (02 nữ)
+ Trưởng-Phó phòng	: 04 người (03 nữ)
+ Trưởng-Phó Chi nhánh, CH	: 47 người (16 nữ)
+ Công nhân – NLD	: 602 người (145 nữ)

*** Công tác quản lý sản xuất kinh doanh**

Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty với nhiều ngành hàng: Xăng dầu, bách hóa, điện máy và các hàng hóa khác. Hệ thống ngành hàng phân tán trong và ngoài tỉnh, phương thức bán hàng linh hoạt phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng đường thủy lẫn đường bộ: Bán hàng tự chọn, bán hàng trả góp, bán buôn, bán buôn lẻ, bán lẻ... và đây là thế mạnh tạo nên thương hiệu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Tình hình xăng dầu càng ngày càng khó, trong chính sách quản lý Nhà nước hoa hồng chiết khấu thấp, hiệu quả kinh doanh không cao. Cùng với lĩnh vực bách hóa, điện máy ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Với sự xuất hiện của Coop.Mart, Điện máy Nguyễn Kim và các đối thủ khác nên năm 2013 khó khăn lại càng khó khăn và lợi nhuận giảm. Để có sự ổn định và cân bằng trong chiến lược Công ty đã xác định đa ngành đa nghề, đa phương thức và tăng dần tỷ trọng hàng bách hóa tạo thế chân kiềng trong hoạt động kinh doanh.

Vì vậy năm 2013 dù rất khó khăn, nhưng và kết quả kinh doanh các mặt của Công ty đều đạt và vượt chỉ tiêu chỉ có lợi nhuận chỉ đạt 90,69%.

Trên cơ sở điều lệ, các quy định và quy chế của Công ty. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tiếp tục điều hành, chỉ đạo cho từng khu vực, từng lĩnh vực quản lý chặt chẽ, phát huy tính chủ động và trách nhiệm cá nhân của từng lãnh đạo. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp quản lý chế độ báo cáo thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng cho công tác quản lý kinh doanh. Vì vậy công tác điều hành các hoạt động kinh doanh luôn thông suốt, nhanh chóng và kịp thời.

*** Công tác quản lý tài chính:**

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo tiếp tục cập nhật và hoàn thiện quy chế làm việc, quy chế trả lương trả thưởng, quy định chức năng nhiệm vụ của từng người, từng loại hình trong từng lĩnh vực khác nhau phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn kinh doanh khác nhau. Từ năm 2010- 2012 và nhất là năm 2013 hoạt động kinh doanh ngày càng khó khăn, cạnh tranh khốc liệt với một môi trường phức

tạp đa đối tượng nên phương châm của HĐQT xác định chậm nhằm thực hiện mục tiêu “lùi 1 bước để tiến 3 bước”. Tái cấu trúc toàn diện: nhân sự, phương tiện, công cụ. Điều chỉnh giảm chi phí hợp lý, sắp xếp phân bổ tuyến theo từng khu vực của từng cửa hàng để đường giao hàng ngắn nhất, các phương tiện đủ tải, giao hàng tay ba không qua kho. Quy định và điều chỉnh phù hợp chi phí công tác, nhiên liệu của phương tiện, công cụ phục vụ kinh doanh trên tinh thần tiết kiệm và hiệu quả nhất đồng thời luôn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định hướng dẫn hiện hành, đảm bảo việc hạch toán số liệu luôn trung thực, đầy đủ, minh bạch, rõ ràng, chính xác, kịp thời.

*** Công tác quản lý đầu tư:**

Trong 6 năm Công ty đã đầu tư xây dựng, mở rộng và nâng cấp mạng lưới kinh doanh với tổng trị giá 43,634 tỷ đồng. Riêng năm 2013 đầu tư mở rộng, mua sắm phương tiện 2,146 tỷ đồng.

CỬA HÀNG XĂNG DẦU TẮC THỦ
Ấp Tắc Thủ - Xã Hồ Thị Kỷ - Huyện Thới Bình - Tỉnh Cà Mau



CỬA HÀNG ĐIỆN MÁY NĂM CĂN
Thị trấn Năm Căn - huyện Năm Căn – Tỉnh Cà Mau



*** Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:**

Hội đồng quản trị luôn quan tâm xây dựng ý thức “văn minh, văn hóa thương nghiệp” tạo nên bản sắc riêng của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau qua xây dựng nội quy, quy chế, phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp cả trong nội bộ cũng như các đối tác, khách hàng với môi trường thân thiện tôn trọng và đoàn kết.

Hàng hóa được trưng bày gọn gàng, niêm yết đúng giá, đúng chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Nhà sản xuất và Nhà nước.

Công ty nghiêm túc không tạo điều kiện cho hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại nên Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã tiếp tục tạo được sự tin tưởng và đánh giá cao của khách hàng người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh. .

*** Hoạt động đoàn thể và công đồng:**

Ngoài việc chỉ đạo kinh doanh thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 04/05/2013 đúng theo quy định của pháp luật, HĐQT luôn nghiêm túc chấp hành tốt mọi chính sách của Đảng và Nhà nước quy định.

*** Hoạt động đoàn thể:**

Năm năm qua dù nhiệm kỳ đầu trong hoạt động kinh doanh còn gặp vô vàn khó khăn nhưng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn phối hợp và tạo mọi điều kiện cho Đảng ủy, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Đặc biệt nhiều năm qua Công ty đã và nghiêm túc thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, và đó cũng là nền tảng cơ bản cho các hoạt động đoàn thể, sự ổn định trong tổ chức, là chỗ dựa và niềm tin vững chắc của người lao động.

- Thực hiện nghiêm túc và đúng quy định của Nhà nước trong việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Cụ thể qua 6 năm (2008-2013) Công ty thực hiện đóng BHXH là: 18.811.374.352 đồng, BHYT: 3.999.379.641 đồng, BHTN: 1.020.213.814 đồng. Riêng năm 2013, Công ty nộp BHXH: 5.593.175.577 đồng, BHYT: 1.053.991.012 đồng, BHTN: 413.471.794 đồng.

- Luôn cập nhật, điều chỉnh xây dựng hệ thống lương thưởng cho phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế của thị trường.

- Đảng bộ Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau đến ngày 31-12-2013 có 27 đảng viên (10 nữ) nhiệm kỳ 2010-2015. Có 03 Chi bộ trực thuộc:

Chi bộ 1 : Có 8 đảng viên (05 nữ)

Chi bộ 2 : Có 10 đảng viên (0 nữ)

Chi bộ 3 : Có 9 đảng viên (03 nữ)

- Trong 6 năm qua (2008-2013), Công ty đã tổ chức trên 38 chuyến du lịch cho trên 1.660 lượt người lao động tham quan du lịch trong và ngoài nước.

- Sau 6 năm cổ phần hóa, bằng nguồn quỹ Công đoàn hợp pháp, BCH Công đoàn cơ sở Công ty đã tặng cho 229 đoàn viên có đóng góp tích cực, có thâm niên gắn bó thủy chung với Công ty, tổng số cổ phiếu là 156.775 cổ phiếu tương đương 3 tỷ 600 nghìn đồng.

- Hằng năm nhân dịp các ngày lễ lớn Công đoàn với Đoàn Thanh niên tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Giải bóng đá mini, giải cầu lông, hội thao 26/3, thi hái hoa hoặc tổ chức nấu ăn nhân ngày 08/3, 20/10 cho các lao động nữ và gặp mặt trao thưởng cho các cháu Thiếu nhi nhân ngày 01/6 và Tết Trung thu.

- Sáu năm liền Đảng bộ Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được công nhận “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”, Công đoàn cơ sở và Đoàn Thanh niên đạt vững mạnh.

*** Quan hệ công đồng:**

Chia sẻ cộng đồng, kết hợp hài hòa giữa lợi ích Công ty và xã hội đó là tâm niệm và truyền thống của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và người lao động. Trong 6 năm qua Công ty đã ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội 3.507.397.900 đồng.



Bàn giao căn nhà Đại đoàn kết cho gia đình Ông Võ Văn Hiếu, ngụ số 131 - Lý Thái Tôn, Khóm 7, Phường 2, Thành phố Cà Mau

3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

1- Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ năm được tổ chức vào 8h sáng ngày 04/05/2013 tại Nhà Khách Minh Hải, 01 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau.

2- Hội nghị người lao động tổ chức vào 13h30 chiều ngày 04/05/2013 tại Hội trường tại Nhà Khách Minh Hải, 01 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau.

4- Đạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2013 (Top 100) do Hội Doanh nghiệp trẻ bình chọn.

5- Được xếp thứ 199 vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

6- Được xếp thứ 826 trong Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2013.

4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

- **Thị trường chính của Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển**, đồng thời Công ty luôn hướng tới việc nâng cao sự khác biệt về giá trị, chất lượng, sản phẩm và dịch vụ.

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã hình thành, triển khai mục tiêu **mở rộng sản xuất kinh doanh**, hướng kinh doanh **đa dạng ngành nghề** sao cho phù hợp với tình hình thực tế, mang lại hiệu quả cao trong đầu tư.

- Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để **doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập của người lao động tăng trưởng ổn định**.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, từ cán bộ quản lý đến nhân viên nghiệp vụ, có chính sách phù hợp trong đào tạo và tuyển dụng để phát huy năng lực và sự gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty.

4.1. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2014:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2014
01	Tổng doanh thu	4.200.000
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	36.000
03	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000
04	Lợi nhuận sau thuế	27.000
05	Tỷ lệ trả cổ tức	15%
06	Thu nhập bình quân NLD/người/tháng	6,5

4.2. Kế hoạch đầu tư:

Các kế hoạch đầu tư, dự án đầu tư mở rộng kinh doanh giai đoạn 2013-2017:

- Tiếp tục làm thủ tục thuê 600 m2 đất ở khu Trung tâm bờ hồ phường 8 để mở cửa hàng tự chọn và cửa hàng khí hóa lỏng.

Trong các năm tiếp theo:

- Hoàn thiện xây dựng Tổng kho Trà Kha 5.000 m2 trong Khu công nghiệp Bạc Liêu với dự toán 5 tỷ đồng.

- Xây dựng mỗi năm từ 1 đến 2 cửa hàng tùy theo tình hình thực tế và cơ hội kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thủ tục giao đất để xây dựng giai đoạn 1 Cửa hàng Xăng dầu Sông Đốc.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản về cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời... được trình bày như sau:

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013
1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,1	1,16	1,16	1,17
- Hệ số thanh toán nhanh	0,56	0,47	0,53	0,44
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	67,81%	67,15%	67,28	69,08
- Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	32,19%	32,85%	32,62	30,92
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	20,53	23,28	20,97	17,52
- Vòng quay tổng tài sản	9,30	9,86	9,47	8,44
- Vòng quay tài sản cố định	48,74	48,5	46,76	44,39
- Vòng quay các khoản phải thu	54,76	56,62	59,92	47,78
- Vòng quay các khoản phải trả	13,16	14,30	14,09	12,37
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,87%	0,90%	0,64%	0,57%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	23,45%	26,52%	17,83%	15,85%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	32,9%	40,35%	23,42%	20,23%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)	7,54%	8,71%	5,83%	5,04%

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn các năm sau cổ phần hóa đều tốt hơn so với trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn qua các năm đều lớn hơn 1, **chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty ngày càng bảo đảm đối với các khoản nợ ngắn hạn**. Hệ số thanh toán nhanh thấp nhưng hàng tồn kho chủ yếu là xăng dầu và các mặt hàng tiêu dùng, nhu yếu phẩm được tồn kho với mục đích dự trữ, có thể bán ra nhanh chóng.

Tương tự đối với cơ cấu vốn, các chỉ số này cho thấy sự ổn định qua các năm chứng tỏ công ty vẫn duy trì được cơ cấu vốn phù hợp, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh trong giai đoạn tăng trưởng cao từ sau khi cổ phần năm 2007. Một điểm đáng lưu ý, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng hơn 50% trong tổng tài sản, trong khi chỉ số Nợ phải trả người bán/ Hàng tồn kho là 41% từ đó có thể thấy rằng một phần đáng kể hàng tồn kho của Công ty được tài trợ bởi tín dụng của các nhà cung cấp. Chỉ tiêu vòng quay các khoản phải trả khá thấp và giảm dần qua các năm cho thấy được sự tín nhiệm cao của các nhà cung cấp đối với công ty nên thời hạn thanh toán công nợ được kéo giãn ra.

Vòng quay các khoản phải thu tăng từ 2010-2012 **thể hiện chính sách quản lý thu hồi nợ của Công ty tốt hơn nên rút ngắn được kỳ thu tiền với khách hàng**. Vòng quay các khoản phải thu năm 2013 giảm so với 2012 do công ty đầu tư công nợ cho khách hàng thời điểm cuối năm phục vụ Tết nguyên đán 2014.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng mạnh sau cổ phần hóa chứng tỏ hiệu quả hoạt động của Công ty khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. **Tuy nhiên năm 2013 các chỉ số này giảm khá mạnh so với năm 2012 cho thấy sự suy thoái kinh tế thế giới và tình hình khó khăn trong nước đã tác động mạnh đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mặc dù đã nỗ lực tăng trưởng doanh thu.**

a. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2013:

DVT: Đồng

Tài sản		Nguồn vốn	
1. Tài sản ngắn hạn	425.338.526.491	1. Nợ phải trả	365.284.082.398
2. Tài sản dài hạn	103.438.647.359	2. Vốn chủ sở hữu	163.493.091.452
Tổng cộng:	528.777.173.850	Tổng cộng:	528.777.173.850

b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Vốn cổ đông đầu năm : 121.039.120.000 đồng
- Trong năm tăng thêm : 0 đồng
- Vốn cổ đông đến 31/12/2013: 121.039.120.000 đồng

c. Tổng số cổ phần theo từng loại:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 12.103.912 cổ phiếu.
- Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 12.103.912 cổ phiếu.*

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.103.912 cổ phiếu.

d. Dự kiến chia cổ tức năm 2013: 15%/ mệnh giá

- Đã chia cổ tức bằng tiền mặt: 4%/ mệnh giá(400 đồng/cổ phần)

- Dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt: 11%/ mệnh giá (1.100 đồng/cổ phần)

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:

Năm 2013, Cộng đồng doanh nghiệp kinh doanh trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới nhiều khó khăn, thách thức. Nền kinh tế thế giới năm qua diễn ra còn quá nhiều rủi ro, bất trắc, sự phục hồi của các nền kinh tế lớn còn chậm, số người thất nghiệp còn tăng cao,...

Trong nước, thực hiện chính sách kiềm chế lạm phát ổn định kinh tế vĩ mô được chính phủ tập trung triển khai quyết liệt đã tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Cộng đồng doanh nghiệp hoạt động vô cùng khó khăn, chi phí đầu vào tăng cao, tiếp cận nguồn vốn ngân hàng khó khăn, chi phí lãi vay cao, sức mua của người tiêu dùng kém đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp rất lớn, cố gắng duy trì để vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

Bên cạnh đó, tính cạnh tranh của thị trường ngày càng khốc liệt, để giữ được thị phần, sản lượng, khách hàng là điều vô cùng khó khăn, chi phí đầu vào tăng cao, đã tạo áp lực rất lớn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra trong năm 2013.

Nhưng với sự định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự điều hành sáng suốt linh hoạt của Ban Tổng giám đốc cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty, nên kết quả năm qua đã đạt được một số chỉ tiêu cơ bản mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cụ thể như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2012	KH 2013	TH 2013	Tỷ lệ (%) so KH	Tỷ lệ (%) so cùng kỳ
01	Tổng doanh thu	4.405.139	4.200.000	4.281.774	101,95%	97,20%
02	Lợi nhuận trước thuế	36.669	36.000	32.501	90,28%	88,63%

03	Thuế TNDN	8.314	9.000	8.012	89,02%	96,36%
04	Lợi nhuận sau thuế	28.355	27.000	24.489	90,70%	86,36%

a. Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Hoạt động kinh doanh xăng dầu năm qua vô cùng khó khăn: Giá cả diễn biến khó lường, thù lao của doanh nghiệp đầu mỗi thấp chưa đảm bảo được chi phí kinh doanh.

- Sản lượng Xăng dầu trên đã giảm đáng kể do các phương tiện đánh bắt thủy sản mua dầu ngay trên biển có giá thành thấp hơn.

- Kết quả kinh doanh năm qua sản lượng xăng dầu bán qua hệ thống đại lý có giảm nhưng sản lượng của các Cửa hàng bán lẻ trực thuộc tăng so với cùng kỳ, kết quả đạt được như sau:

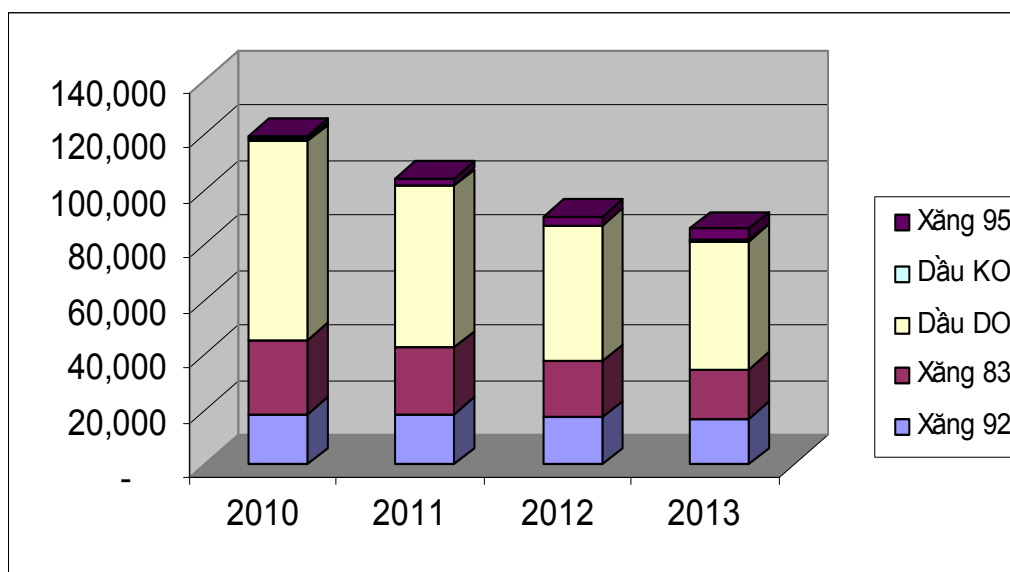
- Tổng doanh thu thực hiện: 1.860.484.983.680 đồng

- Lợi nhuận gộp thực hiện : 38.188.337.388 đồng

Bảng: Sản lượng xăng dầu qua các năm 2010-2013

Khoản mục	ĐVT	2010	2011	2012	2013	Tăng/ Giảm 2013/2012
Xăng A95	M3	1.572	2.143	3.212	3.844	+19,67
Xăng A92	M3	18.362	18.420	17.118	17.035	-0,48
Xăng A83	M3	27.075	24.178	20.644	17.937	-13,11
Dầu DO	M3	72.407	58.999	49.344	46.684	-5,39
Dầu KO	M3	612	408	192	267	+39,06
Tổng cộng	M3	120.028	104.148	90.510	85.767	-5,24

Hình sản lượng xăng dầu qua các năm



b. Hoạt động kinh doanh bách hóa:

Năm 2013, tình hình kinh doanh ngành hàng Bách hóa tiêu dùng gặp nhiều khó khăn do sức mua người tiêu dùng kém.

Sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ trên địa bàn đã làm cho doanh thu của ngành hàng này giảm so với cùng kỳ. Kết quả kinh doanh đạt được như sau:

- Doanh thu thực hiện : 2.089.898.417.770 đồng
- Lợi nhuận gộp thực hiện : 66.868.957.198 đồng

c. Hoạt động kinh doanh của ngành hàng khác:

Ngành hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất,... kinh doanh năm qua hết sức khó khăn, sản lượng bán ra đạt thấp cho nên doanh thu cũng không đạt được như mục tiêu đề ra. Kết quả như sau:

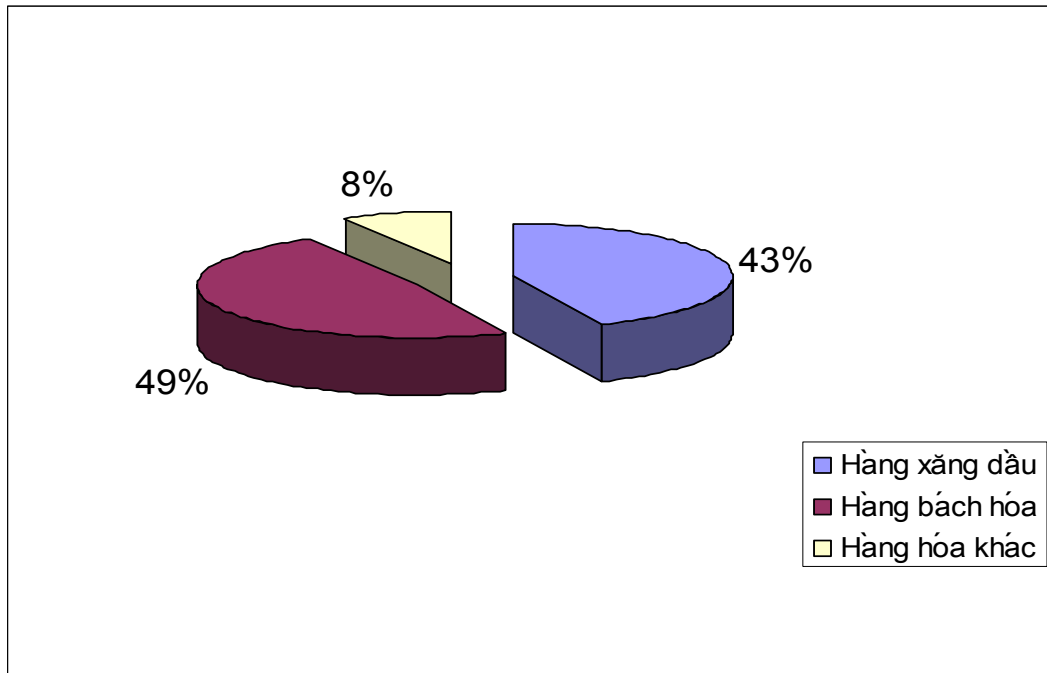
- Doanh thu thực hiện : 331.391.248.670 đồng
- Lợi nhuận gộp thực hiện : 20.691.257.430 đồng

3. CƠ CẤU DOANH THU:

Đvt: 1.000 đồng

Khoản mục	2010	2011	2012	2013	+/- 13/12
Hàng xăng dầu	1.799.600.967	1.950.958.060	1.910.652.638	1.860.484.984	-2,62%
Hàng bách hóa	1.419.023.879	1.913.817.156	2.145.716.932	2.089.898.418	-2,60%
Hàng hóa khác	369.264.951	385.061.924	348.769.824	331.391.248	-4,98%
Tổng cộng	3.587.889.797	4.249.837.140	4.405.139.394	4.281.774.650	-2,80%

Bảng: Cơ cấu doanh thu thuần theo mặt hàng kinh doanh.



Hình cơ cấu doanh thu theo mặt hàng kinh doanh

Năm 2013 doanh thu của công ty giữ trên mức 4.200 tỷ đồng tuy giảm nhẹ 2.80% so với năm 2012 nhưng cho thấy khả năng phân phối rất mạnh của công ty khi cắt giảm ngành hàng lớn (như Vinamilk ước tính khoảng 500 tỷ/ năm) nhưng vẫn tăng trưởng doanh thu các ngành thay thế để bù vào phần doanh thu mất đi này. Tỷ trọng doanh thu ngành hàng xăng dầu và bách hóa năm 2013 lần lượt là 43% và 49% tương đương so với năm 2012.

4. CƠ CẤU LỢI NHUẬN:

Bảng: Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế theo ngành nghề kinh doanh.

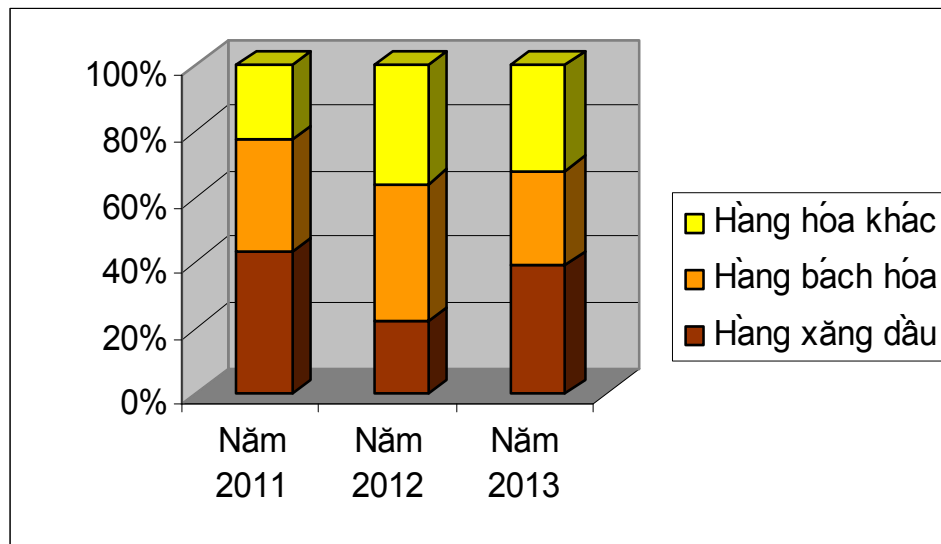
Đvt: 1.000 đồng

Khoản mục (*)	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		+/- 2012/ 2011 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	

		(%)		(%)		(%)	
Hàng xăng dầu	16.428.507	43	6.117.679	22	9.548.319	39	+56,07
Hàng bách hóa	13.211.839	34	11.980.205	42	7.085.914	29	-40,85
Hàng hóa khác	9.014.820	23	10.256.938	36	7.854.428	32	-23,42
Tổng cộng	38.655.166	100	28.354.822	100	24.488.661	100	-13,63

(*)Lưu ý: Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác đã được phân bổ vào lợi nhuận của từng ngành nghề kinh doanh.

Hình cơ cấu lợi nhuận theo mặt hàng kinh doanh



Nguồn: Báo cáo phân tích lợi nhuận CMV năm 2013

Năm 2013, Với sự cạnh tranh khốc liệt nên lợi nhuận kinh doanh ngành hàng bách hóa đã giảm mạnh so với năm 2012. Trong khi đó lợi nhuận kinh doanh từ ngành hàng xăng dầu có sự tăng trưởng mạnh là ngành hàng kinh doanh đóng góp 43% doanh thu và 39% lợi nhuận cho công ty. Điều này cho thấy một lợi thế trong kinh doanh đa ngành theo định hướng của của Camex là hoàn toàn đúng đắn trong điều kiện thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay. Với mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau, Khi ngành hàng bách hóa bị cạnh tranh thì ngành hàng xăng dầu với lợi thế thị trường và hệ thống phân phối ổn định sẽ đóng vai trò ngành xương sống, hỗ trợ, liên kết, tăng năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng khác, đảm bảo lợi nhuận cho công ty.

5. CẤU TRÚC CHI PHÍ:

Bảng: Cơ cấu chi phí trên doanh thu của Công ty

Đvt: 1.000 đồng

Chi phí	2011		Năm 2012		2013	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTth (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTth (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTth (%)
Giá vốn hàng bán	4.113.844.295	96,8	4.272.874.948	97,0	4.155.076.238	97,1
Chi phí HĐ tài chính	5.632.608	0,1	13.075.585	0,3	10.555.443	0,2
Chi phí bán hàng	85.256.282	2,0	89.005.866	2,0	83.598.387	1,9
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.745.828	0,3	16.447.149	0,3	23.665.409	0,5
Chi phí khác	77.409	0,0	769.616	0,0	594.731	0,0
Doanh thu thuần	4.248.930.317		4.404.126.332		4.280.824.790	

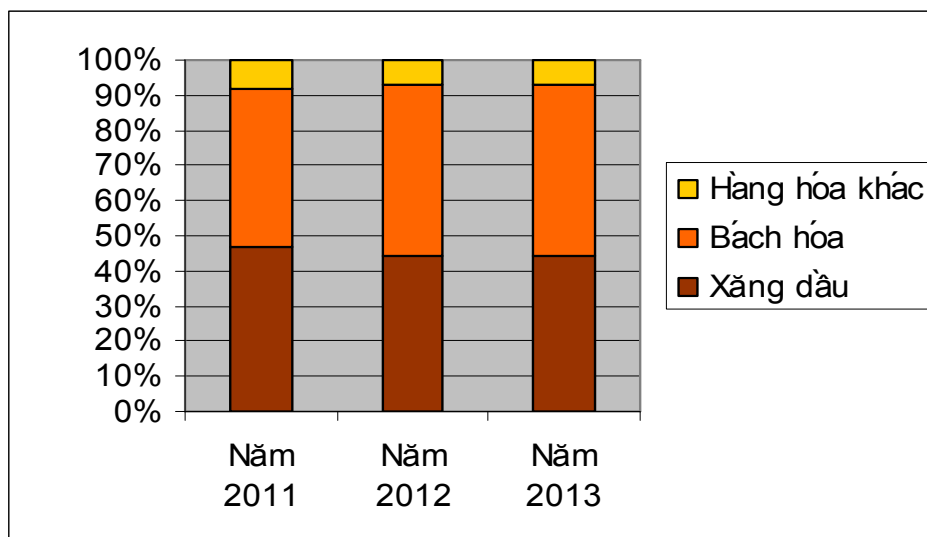
Bảng : Cơ cấu giá vốn hàng bán theo ngành nghề kinh doanh

Đvt: 1.000 đồng

Khoản mục	2011		2012		2013	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Kinh doanh xăng dầu	1.916.130.375	47	1.881.138.201	44	1.822.296.646	44
Bách hóa	1.844.824.626	45	2.074.320.996	49	2.022.079.601	49
Hàng hóa khác	352.889.293	8	317.415.751	7	310.699.991	7
Tổng cộng	4.113.844.294	100	4.272.874.948	100	4.155.076.238	100

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2013

Hình cơ cấu giá vốn theo ngành nghề kinh doanh



Nhìn chung, cơ cấu chi phí trên doanh thu qua các năm không có nhiều biến động Tỷ trọng giá vốn hàng bán/ doanh thu thuần của Công ty có chiều hướng giảm trong giai đoạn 2007 – 2009, tăng nhẹ trong năm 2010, giảm và ổn định trong các năm 2011- 2013. Làm được điều này một phần cũng nhờ vào các chính sách kiểm soát chi phí kinh doanh của Công ty. Đối với mặt hàng xăng dầu, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã xây dựng các định mức chung như: định mức về tiêu hao nguyên vật liệu khi vận chuyển xăng dầu Tổng kho công ty tới các cửa hàng và đại lý bán lẻ. Đối với lĩnh vực kinh doanh bách hóa, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm kê định kỳ kết hợp với các đợt kiểm kê đột xuất để đánh giá lại giá trị thực tế hàng tồn kho, vừa kịp thời ngăn ngừa tổn thất vật chất cho công ty.

Sau khi cổ phần hóa, từ năm 2009 -2012 chi phí bán hàng và đặc biệt là chi phí quản lý đã giảm xuống đáng kể. Tỷ trọng chi phí quản lý trên doanh thu thuần đã giảm từ 0,5% năm 2009 xuống còn 0,4% ở năm 2010 và 0,3% ở năm 2011 và 2012. Riêng năm 2013 tăng lên 0,5% là do việc trích lập dự phòng công nợ phải thu để đảm bảo có nguồn bù đắp cho tổn thất từ công nợ khó đòi theo đúng quy định. Điều này thể hiện sự hiệu quả của công tác quản lý trong Công ty.

Tỷ trọng Chi phí hoạt động tài chính năm 2013 là 0,2% giảm so với năm 2012 là do chi phí lãi vay ngân hàng giảm. Kết quả này cho thấy công ty tận dụng được nguồn vốn vay với chi phí thấp để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

6. THÔNG TIN VỀ CỔ TỨC VÀ THU NHẬP/CỔ PHIẾU:

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

HĐQT luôn cân nhắc xem xét các kế hoạch kinh doanh trong năm tới để tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo công ty phát triển nhanh và bền vững.

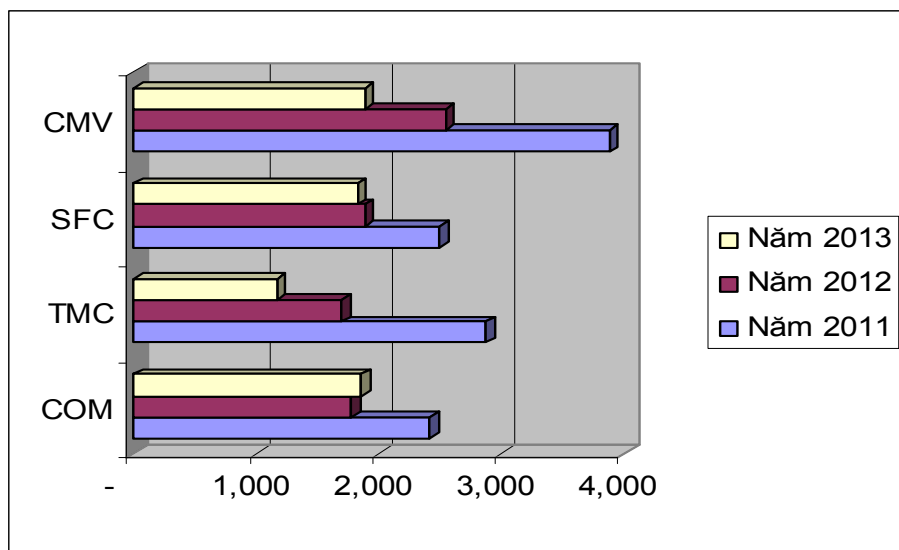
Sau 06 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (2008-2013), Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đều duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức ổn định cho cổ đông. Năm 2008 là 22%, năm 2009 là 25% , năm 2010 là 25%, năm 2011 là 23%, năm 2012 là 16%, dự kiến năm 2013 là 15% trên vốn điều lệ.

Chính sách trả cổ tức trên được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Cổ phiếu CMV trên thị trường được xếp vào loại có giá trị tương đối ổn định kể từ thời điểm niêm yết ngày 21/06/2010. EPS năm 2010 của CMV đứng thứ hai các công ty niêm yết cùng ngành với 3.232 đồng/cổ phiếu. EPS năm 2012 và năm 2013 đứng top đầu các công ty niêm yết cùng ngành với lần lượt là 2.547 đồng/cổ phiếu và 1.892 đồng/cổ phiếu.

EPS	CMV	COM	SFC	TMC
Năm 2011	3.890	2.420	2.497	2.874
Năm 2012	2.547	1.783	1.895	1.704
Năm 2013	1.892	1.857	1.831	1.167

So sánh EPS của CMV với các công ty niêm yết cùng ngành:



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011-2013 của các công ty niêm yết

7. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Điều lệ tổ chức hoạt động đã được sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mẫu đối với các Công ty niêm yết và được Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua.

- Điều chỉnh quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, quy chế đánh giá năng lực cán bộ quản lý và nhân viên cho phù hợp với tình hình thực tế. Thực hiện tốt chi trả tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích tăng năng suất và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Bổ sung, điều chỉnh hệ thống nội quy, quy chế của công ty về quản trị tài chính để nâng cao hiệu quả hoạt động

- Thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý, đăng ký mới về thuế thu nhập cá nhân và tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Hưởng ứng tích cực phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội, từ thiện trong nội bộ và ngoài Công ty.

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2013 Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau đã có **03 công ty con ở địa bàn 02 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu**. Với chủ trương đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng chủng loại hàng hóa, tận dụng các ưu thế về hệ thống phân phối sẵn có để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Camex từng bước xem xét đầu tư thêm vào các lĩnh vực kinh doanh khác với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và sự phát triển ổn định, bền vững.

1. CÁC CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN DO CAMEX NẪM GIỮ:

*** Công ty TNHH một thành viên Bách Việt (100% vốn Camex)**

+ Địa chỉ: Số 102 Phan Đình Phùng – Phường 2 – TP. Cà Mau- Tỉnh Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email: ctybachviet@gmail.com

+ Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2011:

• Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng

• Tổng doanh thu : 462.641.336.363 đồng

• Tổng giá vốn : 440.356.703.533 đồng

• Lợi nhuận trước thuế: 7.182.769.159 đồng

• Lợi nhuận sau thuế: 5.386.741.869 đồng

*** Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu (55,03% vốn Camex)**

+ Địa chỉ: 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu

+ Điện thoại: (0781) 3824419 Fax: (0781) 3820727

+ Email:

+ Ngành nghề kinh doanh: in ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ động; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2012:

- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 28.592.471.166 đồng
- Tổng giá vốn : 23.040.153.866 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 3.035.651.084 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 2.400.525.392 đồng

*** Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau (51% Vốn Camex)**

+ Địa chỉ: 26-28 Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email: ctcpsbcamau@gmail.com

+ Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh sách giáo dục, thiết bị, vật tư giáo dục, kinh doanh văn phòng phẩm- văn hóa phẩm đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2012:

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 37.684.079.659 đồng
- Tổng giá vốn : 33.361.553.377 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 1.373.045.097 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 1.043.665.129 đồng

2.CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT: không

CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Số lượng người lao động trong Công ty.

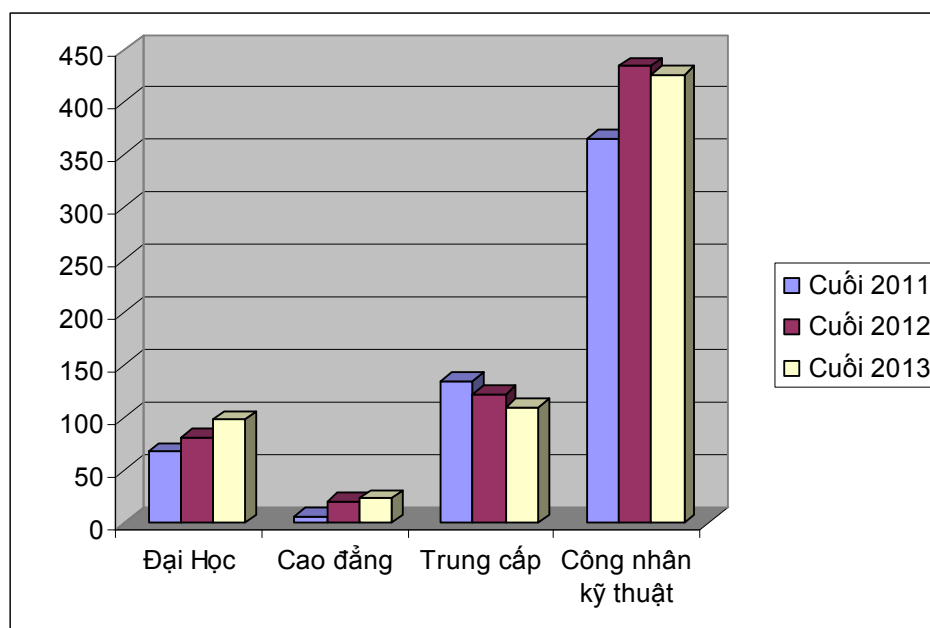
Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2013 là 657 người, giữ ổn định so với thời điểm cuối năm 2012. Cụ thể như sau:

Phân loại theo trình độ học vấn	Tổng số lao động	Tỷ lệ
Đại Học	98	14,91%
Cao đẳng	23	3,50%
Trung cấp	110	16,74%
Công nhân kỹ thuật	426	64,85%
Tổng	657	100%
Phân loại theo thời hạn hợp đồng		
không xác định thời hạn	275	41,86%
Từ trên 1 năm đến 3 năm	156	23,74%
Thời hạn 1 năm	209	31,81%
Lao động thời vụ	17	2,59%
Tổng	657	100%

Nguồn: Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

a. Cơ cấu theo trình độ lao động tại Công ty.

Hình cơ cấu lao động theo trình độ

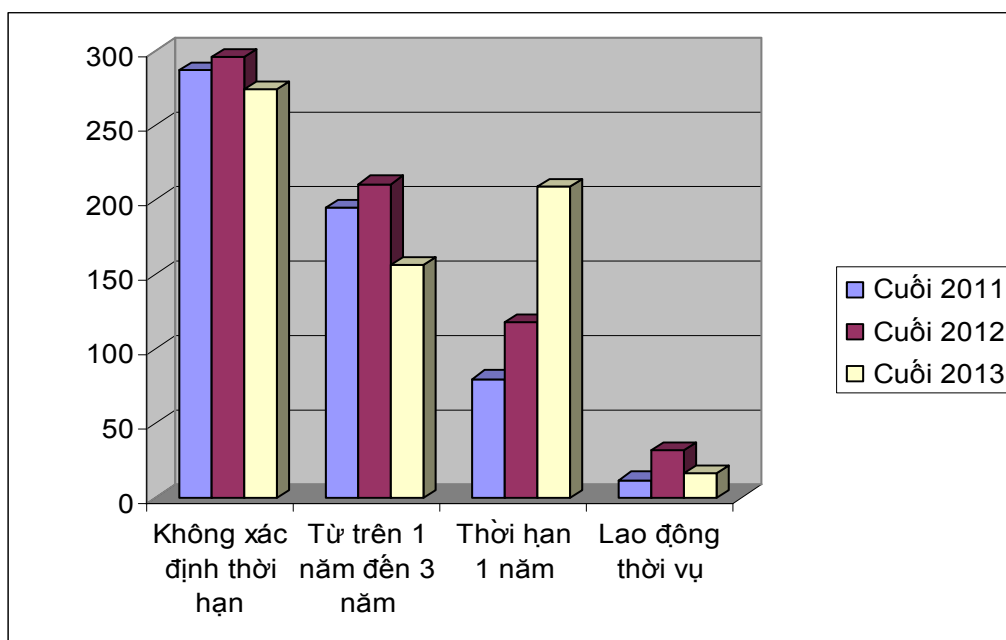


Nguồn: Phòng Hành chính Nhân Sự - Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Cơ cấu lao động theo trình độ nhìn chung ít biến động so với năm 2012. Theo đó thì nhóm lao động công nhân kỹ thuật, là lực lượng lao động chủ yếu của công ty chiếm khoảng 65% trên tổng số lao động. Cơ cấu lao động theo trình độ có sự dịch chuyển tăng ở nhóm có trình độ Đại học và cao đẳng, giảm ở nhóm Trung cấp thể hiện chất lượng lao động đã được cải thiện Tuy nhiên nhóm đại học còn thấp chiếm khoảng 15% trên tổng số lao động, sẽ là một cản trở lớn để công ty có thể phát triển mạnh trong tương lai với nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và sự phát triển mạnh mẽ về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin,...

b. Cơ cấu theo thời hạn hợp đồng:

Hình cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng



Nguồn: Phòng Hành chính Nhân Sự - Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng năm 2013 có nhiều biến động so với năm 2012 theo hướng giảm ở nhóm không xác định thời hạn và nhóm lao động từ 1-3 năm, tăng mạnh ở nhóm lao động thời hạn 1 năm, cho thấy sự dịch chuyển mạnh về cơ cấu lao động công ty theo hướng trẻ hóa đội ngũ lao động để làm nền tảng cho sự phát triển ở tương lai. Tuy nhiên lao động chủ yếu tập trung vào nhóm không xác định thời hạn, chiếm 42% trên tổng số lao động công ty. Đây là số lao động đã có thâm niên làm việc, có trình độ chuyên

môn nghiệp vụ tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty. Lao động trong nhóm này ít biến động, có sự ổn định dần sau mỗi năm cổ phần hóa, tạo tiền đề cho sự phát triển vững bền của công ty.

2. Chính sách đối với người lao động.

📌 Chế độ làm việc:

- Đối với nhân viên văn phòng: ngày làm 8 giờ, sáng từ 7h – 11h, chiều từ 13h30 – 17h30; tuần làm 6 ngày, nghỉ ngày chủ nhật.
- Đối với nhân viên tại các cửa hàng bách hóa : làm theo ca từ 6h – 20h (riêng ngày chủ nhật làm việc đến 18h). Các nhân viên tại cửa hàng đều được cấp đồng phục theo quy định của Công ty, và thay đổi sau mỗi năm. Điều này giúp tạo nên hình ảnh của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.
- Các nhân viên tại cửa hàng xăng dầu: làm theo ca từ 5h đến 21h và đều được trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra Cửa hàng Xăng Dầu Định Bình, Cửa hàng Xăng Dầu Tân Thành làm việc theo ca, hoạt động 24/7.

📌 Chính sách đào tạo:

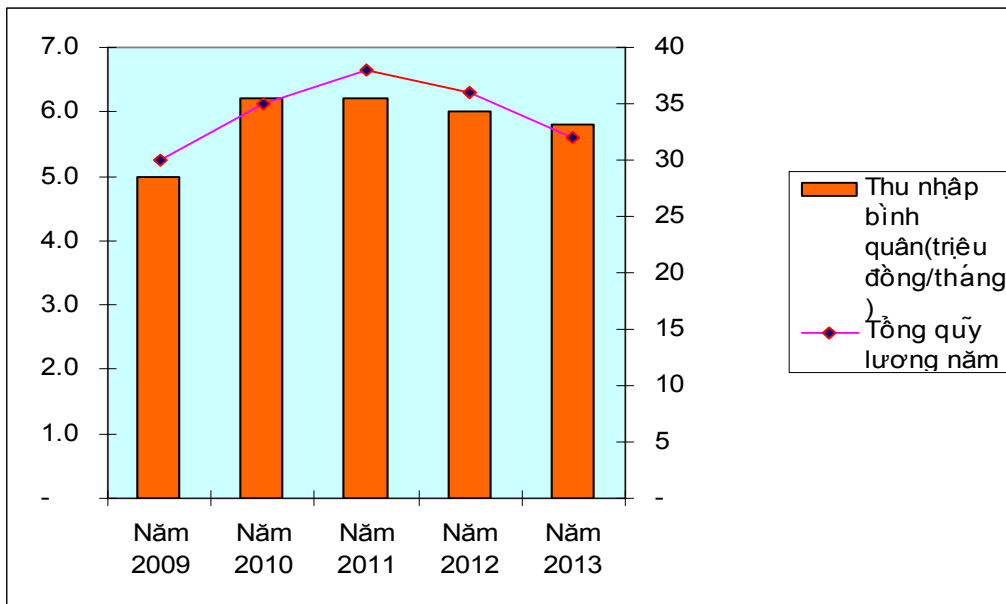
Công ty quan tâm việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu định hướng phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài, từ đó đã tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, gas; kỹ năng giao tiếp phục vụ, khách hàng và các lớp nghiệp vụ về công tác quản lý, kinh doanh tài chính nhân sự lao động.

📌 Chính sách lương, thưởng:

Sau khi đi vào hoạt động, Công ty đã xây lại quy chế trả lương, phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện, đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà Nước quy định, gắn liền với năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc đảm nhận của từng người. Bên cạnh đó, kết hợp với chính sách tiết kiệm chi phí, Công ty đã đề ra các định mức về các khoản hao hụt hàng tồn kho, trong đó nếu nhân viên thực hiện tốt chính sách này, không vượt quá định mức thì sẽ được hưởng toàn bộ số chênh lệch đó. Thêm vào đó, các cửa hàng cũng sẽ được thưởng nếu hoạt động có hiệu quả, vượt doanh số kế hoạch đề ra.

Thu nhập của người lao động qua các năm sau cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Thu nhập bình quân(triệu đồng/tháng)	5,0	6,2	6,2	6,0	5,8
Tổng quỹ lương năm (tỷ đồng)	30	35	38	36	32



Nguồn: Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Sau cổ phần hóa, tốc độ tăng trưởng của tổng quỹ lương rất cao và ổn định qua các năm 2010-2012. Năm 2013, mặc dù tình hình kinh doanh chung khó khăn nhưng với chính sách ổn định nhân sự Tổng quỹ lương của công ty có giảm so với năm 2012 nhưng vẫn đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động cũng tăng mạnh sau cổ phần và ổn định qua các năm mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn. Năm 2014 công ty đặt ra chỉ tiêu phấn đấu đạt thu nhập bình quân của người lao động ở mức trên 6.500.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cao so với các doanh nghiệp trong tỉnh Cà Mau.

🚩 Các chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ nhà nước đối với người lao động như: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ phép, thai sản, ốm đau, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại... Ngoài ra, người lao động làm việc tại Công ty còn được quan tâm chăm lo về vật chất và tinh thần như: hằng năm được đi tham quan du lịch trong và ngoài nước (tùy theo đối tượng), Ban TGD, Ban Chấp hành Công đoàn tặng quà nhân ngày lễ, tết, ngày truyền thống, sinh nhật...

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

		<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn Nhà nước	44.334.250.000 đ	36,63%
- Nhà đầu tư chiến lược	29.360.240.000 đ	24,26%
- Công nhân viên	16.247.630.000 đ	13,42%
- Công đoàn cơ sở Cty	1.508.220.000 đ	1,24%
- Cổ đông bên ngoài	<u>29.588.780.000 đ</u>	<u>24,45%</u>
Cộng :	121.039.120.000 đ	100%

Stt	Danh mục	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Cổ đông Tổ chức	8.066.121	66,64
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	7.369.449	60,89
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	696.672	5,75
2	Cổ đông cá nhân	4.037.791	33,36
Tổng cộng		12.103.912	100,00

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VĐL (%)
1	Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	0106000737	06 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.433.425	36,63
2	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một thành viên	0305795054	Tầng 14-17 Tòa nhà Petro Việt Nam, số 1-5 L Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	1.662.534	13,74
3	Cty CP Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư Petec	4106000302	194 Nam Kỳ khởi Nghĩa, Q3. TP.HCM	1.273.490	10,52
Tổng cộng				7.369.449	60,89

2. GIAO DỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

a. Bà Nguyễn thị Việt Ánh – Chủ tịch Hội đồng quản trị – Tổng giám đốc công ty mua 40.960 CP. Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 05/07/2013 đến hết ngày 03/08/2013.

b. Ông Thái Trường An - Thành viên Hội đồng quản trị – Phó Tổng giám đốc công ty mua 12.120 CP Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 14/08/2013 đến hết ngày 13/09/2013.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty, Pháp luật hiện hành. Thực hiện quy chế làm việc theo Điều lệ, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và định hướng kinh doanh từng năm.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Quản lý, giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo và thực hiện hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát hoạt động của công ty.

CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2013

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT-2013	20/02/2013	Thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau với hạn mức 100 tỷ đồng
02	02/NQ-HĐQT-2013	20/04/2013	Thông qua Báo cáo các hoạt động kinh doanh quý I năm 2013; Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm

			2013; Kế hoạch đầu tư mở rộng mạng lưới kinh doanh ngành hàng bách hóa
03	03/NQ-HĐQT-2013	22/08/2013	Thông qua Báo cáo các hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2013; Ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam chi nhánh Cà Mau với hạn mức 50 tỷ đồng; Hình thành quỹ tiền lương kế hoạch năm 2013 cho Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau; Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và tổng quỹ lương năm 2013 cho Công ty TNHH Một thành viên Bách Việt; Kế hoạch chi cổ tức còn lại của năm 2012 với tỷ lệ 1% bằng tiền mặt và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 với tỷ lệ 4% bằng tiền mặt.
04	04/NQ-HĐQT-2013	15/11/2013	Thông qua Báo cáo các hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2013; Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013.
05	05/NQ-HĐQT-2013	19/12/2013	Thông qua dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013; Giải thể Cửa hàng Bách Hóa Phường 5 và sử dụng để cho thuê, Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; Thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau với hạn mức 150 tỷ đồng..

4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm qua Ban Kiểm Soát đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đúng theo chức năng và nhiệm vụ đã được cụ thể hóa trong Điều lệ công ty. Cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý

- Kiểm tra việc chấp hành luật doanh nghiệp, tài chính, việc thực hiện các nghị quyết của công ty tại một số đơn vị để kịp thời phát hiện những điểm chưa phù hợp, những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh, từ đó có những đề xuất kiến nghị cho Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ trực tiếp 04 lần với nội dung: kiểm tra tính hợp lý của các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ, báo cáo tài chính năm, Kiểm soát tình hình quản trị tài chính công ty. Kết quả thống nhất cao với các báo cáo tài chính quý, bán niên, và cuối năm, các báo cáo tài chính đã đảm bảo không chứa đựng những sai sót trọng yếu và phản ánh trung thực nhất về tình hình tài chính của Công ty.

Đồng thời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia góp ý những vấn đề có liên quan.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau là Công ty Cổ phần được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng. Thi công các công trình. Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác. Bán buôn hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát. Bán buôn thuốc lá điều các loại. Bán buôn hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại. Bán buôn hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy. Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình. Hàng may mặc, dày dép. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn đồ chơi trẻ em. Dịch vụ ăn uống, thực phẩm các loại. Mua bán vật liệu xây dựng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ. San lấp mặt bằng. Trồng lúa. Trồng rau. Trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả, cây lâu năm.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Trinh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hóa	Thành viên
Ông Thái Trường An	Thành viên
Ông Phù Chí Anh	Thành viên (đến 04/05/2013)
Ông Dương Du Minh	Thành viên (từ 04/05/2013)

Ban Tổng Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc (từ 02/01/2013)
Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban
Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên (đến 04/05/2013)
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên (đến 04/05/2013)

Ông Ngô Thế Anh
Ông Nguyễn Tấn Tài

Thành viên (từ 04/05/2013)
Thành viên (từ 04/05/2013)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Ánh

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau, được lập ngày 28/03/2014, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1559-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		425.338.526.491	377.675.169.219
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.095.409.628	84.425.423.450
1. Tiền	111		39.095.409.628	73.142.399.688
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	11.283.023.762
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.350.000.000	2.699.386.700
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.350.000.000	4.157.521.700
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.458.135.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.703.326.821	75.471.343.587
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	89.752.590.237	66.350.080.602
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.200.445.995	1.581.478.799
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	17.574.604.096	9.909.209.721
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(6.824.313.507)	(2.369.425.535)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	266.975.358.870	206.632.953.525
1. Hàng tồn kho	141		267.225.419.110	207.044.010.183
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(250.060.240)	(411.056.658)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.214.431.172	8.446.061.957
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.596.390	70.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.319.302.849	2.841.508.861
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.000.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	6.827.531.933	5.534.553.096
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		103.438.647.359	108.382.503.806
I. Tài sản cố định	220		94.628.686.467	98.261.988.002
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	57.699.192.355	61.433.688.072
- Nguyên giá	222		117.256.871.841	119.777.715.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.557.679.486)	(58.344.027.677)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	36.008.839.021	36.796.712.430
- Nguyên giá	228		37.179.350.163	37.872.222.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.170.511.142)	(1.075.510.460)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	920.655.091	31.587.500
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	8.051.371.000	8.260.941.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		8.499.577.200	8.774.457.200
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(448.206.200)	(513.516.200)
III. Tài sản dài hạn khác	260		758.589.892	1.811.388.197
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	694.145.027	1.461.328.265
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		64.444.865	350.059.932
IV. Lợi thế thương mại	269		-	48.186.607
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		528.777.173.850	486.057.673.025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		365.284.082.398	327.056.486.790
I. Nợ ngắn hạn	310		363.049.964.566	324.427.934.790
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	226.241.081.937	157.617.334.470
2. Phải trả người bán	312	V.15	110.769.325.065	127.833.295.561
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	1.243.986.971	1.470.542.207
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	3.478.015.861	4.792.905.811
5. Phải trả người lao động	315		3.583.790.438	7.601.181.292
6. Chi phí phải trả	316	V.18	581.187.349	1.468.269.566
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	14.746.845.523	18.085.356.128
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.094.625	98.820.750
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.404.636.797	5.460.229.005
II. Nợ dài hạn	330		2.234.117.832	2.628.552.000
1. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.234.117.832	2.628.552.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.521.690.861	150.165.281.931
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	154.521.690.861	150.165.281.931
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		121.039.120.000	121.039.120.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.750.000.000	1.750.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.738.023.541	8.248.737.597
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.495.714.980	8.383.100.904
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.498.832.340	10.744.323.430
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.21	8.971.400.591	8.835.904.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		528.777.173.850	486.057.673.025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	1.375.440
2. Nợ khó đòi đã xử lý		830.422.627	830.422.627
3. Ngoại tệ các loại (USD)		541,78	541,19

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Vạn

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Ánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.281.774.650.120	4.405.139.394.130
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	949.859.650	1.013.062.078
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	4.280.824.790.470	4.404.126.332.052
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	4.155.076.238.454	4.272.874.947.847
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.748.552.016	131.251.384.205
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	3.049.832.518	4.355.057.047
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	10.555.443.357	13.075.585.015
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.838.564.172	10.780.326.046
8. Chi phí bán hàng	24		83.598.387.539	89.005.865.928
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.665.409.334	16.447.148.905
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.979.144.304	17.077.841.404
11. Thu nhập khác	31	VI.7	22.116.634.515	20.361.039.169
12. Chi phí khác	32	VI.8	594.731.793	769.615.790
13. Lợi nhuận khác	40		21.521.902.722	19.591.423.379
14. Lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.501.047.026	36.669.264.783
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	7.726.770.256	8.264.378.010
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		285.615.067	50.064.356
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.488.661.703	28.354.822.417
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	71		1.591.632.339	1.190.500.039
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	72		22.897.029.364	27.164.322.378
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.10	1.892	2.547

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Vạn

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.501.047.026	36.669.264.783
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.230.471.175	6.784.038.136
- Các khoản dự phòng	03	2.770.446.554	2.443.864.349
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.802.731.792)	(1.384.419.006)
- Chi phí lãi vay	06	10.838.564.172	10.780.326.046
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	50.537.797.135	55.293.074.308
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(32.019.519.354)	(1.804.995.819)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(60.181.408.927)	(6.011.511.103)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(28.852.786.414)	(12.219.861.355)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	952.031.461	(366.581.846)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(10.970.791.312)	(10.548.041.144)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.210.714.459)	(13.270.743.334)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	86.000.000	1.018.440.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.067.334.071)	(7.474.218.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(96.726.725.941)	4.615.560.729
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(4.982.280.545)	(10.931.326.985)
2. Tiền thu từ nhượng bán tài sản cố định	22	2.608.718.983	9.802.909
3. Tiền chi cho vay	23	(3.000.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	5.807.521.700	1.914.856.307
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(588.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	274.880.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	723.405.484	962.116.097
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.432.245.622	(9.632.551.672)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	4.789.660.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.992.519.713.989	1.828.885.668.005
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.923.895.966.522)	(1.779.018.333.535)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.659.280.970)	(16.552.494.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	50.964.466.497	38.104.500.070
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(44.330.013.822)	33.087.509.127
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	84.425.423.450	51.337.914.323
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	40.095.409.628	84.425.423.450

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Vạn

Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Ánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau là Công ty cổ phần được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có các chi nhánh sau:

Chi nhánh Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu được đặt tại số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Chi nhánh Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng được đặt tại số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Chi nhánh Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh được đặt tại số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang được đặt tại lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu được đặt tại đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình đặt tại Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chi nhánh: Cửa hàng xăng dầu Hưng Mỹ đặt tại ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chi nhánh: Cửa hàng xăng dầu Ngô Quyền đặt tại lô 290, đường Ngô Quyền, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Bách Việt	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá điều; hàng mỹ phẩm, dầu gội, sữa tắm, xà phòng, chất tẩy rửa, khăn giấy, giấy vệ sinh...	100%
Công ty CP In Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân ...	55%
Công ty CP Sách - thiết bị Cà Mau	Kinh doanh sách giáo dục, thiết bị, vật tư giáo dục. Kinh doanh văn phòng phẩm. Kinh doanh văn hóa phẩm. Bán lẻ dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn đồ chơi trẻ em...	51%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng. Thi công các công trình. Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác. Bán buôn hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát. Bán buôn thuốc lá điếu các loại. Bán buôn hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại. Bán buôn hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy. Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình. Hàng may mặc, giày dép. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán buôn đồ chơi trẻ em. Dịch vụ ăn uống, thực phẩm các loại. Mua bán vật liệu xây dựng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ. Sản xuất mặt bằng. Trồng lúa. Trồng rau. Trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả, cây lâu năm.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

14. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	23.564.328.839	26.526.948.223
Tiền gửi ngân hàng	15.531.080.789	46.515.451.465
Tiền đang chuyển	-	100.000.000
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	11.283.023.762
Cộng	40.095.409.628	84.425.423.450

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Tân Tiến vay	1.350.000.000	400.000.000
Cho Công ty Cổ phần Duyên Việt vay	-	3.757.521.700
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.458.135.000)
Cộng	1.350.000.000	2.699.386.700

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng xăng dầu	3.902.021.586	3.746.754.860
Phải thu khách hàng bách hóa	70.974.154.778	46.567.467.120
Phải thu khách hàng kim khí điện máy	9.078.372.551	10.745.708.605
Phải thu khách hàng vật liệu xây dựng	2.305.813.045	887.359.963
Phải thu khách hàng khác	3.492.228.277	4.402.790.054
Cộng	89.752.590.237	66.350.080.602

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trả trước cho người bán bách hóa	2.803.883.226	1.400.176.661
Trả trước cho người bán khác	396.562.769	181.302.138
Cộng	3.200.445.995	1.581.478.799

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu tiền chi hộ chi phí nhân viên tiếp thị	291.120.438	729.909.152
Phải thu khuyến mãi	8.076.490.222	3.278.558.096
Giá trị hàng gửi bảo hành	-	58.690.238
Phải thu khác	9.206.993.436	5.842.052.235
Cộng	17.574.604.096	9.909.209.721

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự phòng nợ phải thu kim khí điện máy	(874.983.676)	(607.025.500)
Dự phòng nợ phải thu bách hóa	(4.483.460.587)	(724.967.852)
Dự phòng nợ phải thu xăng dầu	(242.687.739)	(194.852.369)
Dự phòng nợ phải thu khác	(1.223.181.505)	(842.579.814)
Cộng	(6.824.313.507)	(2.369.425.535)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8.661.554.459	13.723.409.488
Nguyên liệu, vật liệu	3.602.253.120	4.822.946.851
Công cụ, dụng cụ	363.350.469	252.275.929
Hàng hoá	254.598.261.062	188.183.053.934
Hàng gửi đi bán	-	62.323.981
Cộng giá gốc hàng tồn kho	267.225.419.110	207.044.010.183
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(250.060.240)	(411.056.658)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	266.975.358.870	206.632.953.525

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.191.381.357	262.478.194
Tạm ứng cho nhân viên	1.273.252.114	2.462.762.564
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.362.898.462	2.809.312.338
Cộng	6.827.531.933	5.534.553.096

Tài sản thiếu chờ xử lý sẽ được Công ty xử lý vào năm 2014 bằng cách thu hồi lại cán bộ công nhân viên gây ra thất thoát hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	64.017.135.750	27.400.324.727	25.107.543.462	1.940.381.331	1.312.330.479	119.777.715.749
Số tăng trong năm	1.662.862.545	2.367.481.818	31.281.091	-	-	4.061.625.454
- Mua trong năm	1.662.862.545	2.367.481.818	31.281.091	-	-	4.061.625.454
Số giảm trong năm	1.106.070.848	2.289.763.197	1.216.237.857	1.197.707.715	772.689.745	6.582.469.362
- Thanh lý, nhượng bán	1.061.181.757	820.540.600	1.185.337.857	26.000.000	-	3.093.060.214
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	44.889.091	1.469.222.597	30.900.000	1.171.707.715	772.689.745	3.489.409.148
Số dư cuối năm	64.573.927.447	27.478.043.348	26.355.062.410	742.673.616	539.640.734	117.256.871.841
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	22.700.826.840	20.262.302.338	12.487.961.294	1.681.528.047	1.211.409.158	58.344.027.677
Khấu hao trong năm	3.334.411.052	2.038.289.537	1.570.694.505	128.877.118	63.198.281	7.135.470.493
Số giảm trong năm	621.930.237	2.178.923.911	1.216.237.857	1.161.731.974	742.994.705	5.921.818.684
- Thanh lý, nhượng bán	578.955.750	773.373.932	1.185.337.857	26.000.000	-	2.563.667.539
- Chuyển sang công cụ dụng cụ	42.974.487	1.405.549.979	30.900.000	1.135.731.974	742.994.705	3.358.151.145
Số dư cuối năm	25.413.307.655	20.121.667.964	15.274.893.656	648.673.191	531.612.734	59.557.679.486
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	41.316.308.910	7.138.022.389	12.619.582.168	258.853.284	100.921.321	61.433.688.072
Tại ngày cuối năm	39.160.619.792	7.356.375.384	11.080.168.754	94.000.425	8.028.000	57.699.192.355

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là : 21.228.364.232 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 19.997.806.110 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	36.971.113.910	901.108.980	37.872.222.890
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	692.872.727	-	692.872.727
Số dư cuối năm	36.278.241.183	901.108.980	37.179.350.163
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	210.722.738	864.787.722	1.075.510.460
Khấu hao trong năm	84.623.190	10.377.492	95.000.682
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	295.345.928	875.165.214	1.170.511.142
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	36.760.391.172	36.321.258	36.796.712.430
Tại ngày cuối năm	35.982.895.255	25.943.766	36.008.839.021

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng các cửa hàng bách hóa, điện máy, thực phẩm	920.655.091	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	31.587.500
Cộng	920.655.091	31.587.500

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	S	Giá trị	S	Giá trị
	ố lượng	VND	ố lượng	VND
	c		c	
	ổ phần		ổ phần	
Đầu tư dài hạn khác		8.499.577.200		8.774.457.200
Công ty Cổ phần Sabeco Sông Hậu	2.150	21.500.000	2.150	21.500.000
Công ty CP Thương mại kỹ thuật và Đầu tư Petec	199.351	4.186.371.000	199.351	4.186.371.000
Công ty CP Xăng dầu khí Sài Gòn	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu Petec	30.000	312.000.000	30.000	312.000.000
Công ty Cổ phần Cà Phê Petec	43.800	426.000.000	43.800	426.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Cần Thơ	-	-	3.200	74.880.000
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 2	21.100	553.706.200	21.100	553.706.200
Công ty Cổ phần Kinh Đô	-	-	3.842	200.000.000

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(448.206.200)</u>	<u>(513.516.200)</u>
Cộng	<u>8.051.371.000</u>	<u>8.260.941.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	194.444.370	360.817.388
Chi phí trả trước dài hạn khác	499.700.657	1.100.510.877
Cộng	694.145.027	1.461.328.265

14. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	226.241.081.937	157.617.334.470
Cộng	226.241.081.937	157.617.334.470

Vay ngắn hạn ngân hàng gồm:

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau theo hợp đồng số 13.057.016/HĐTD ngày 10/04/2013, thời hạn vay là 1,5 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất 6,5%/năm. Số dư nợ vay là 56.427.148.869 đồng. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau theo hợp đồng số 621/2013/NHNT ngày 28/08/2013, thời hạn vay là 02 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất 6,5%/năm. Số dư nợ vay là 111.984.865.560 đồng. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển – Chi nhánh Cà Mau theo hợp đồng số 151/2013/HĐ-PGD ngày 09/10/2013, thời hạn vay là 01 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất 6,5%/năm. Số dư nợ vay là 36.120.467.508 đồng. Hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp.

Vay ngắn hạn có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam chi nhánh TP Hồ Chí Minh theo hợp đồng số VNM 111810 ngày 26/06/2012, thời hạn vay là 1,5 tháng theo từng lần nhận nợ, lãi suất 7%/năm. Số dư nợ vay là 21.708.600.000 đồng. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp tài sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu bảo hiểm tài sản, máy móc thiết bị và hàng hóa lưu tại kho Công ty có giá trị khoản 30 tỷ đồng.

15. Phải trả người bán

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp Xăng dầu	58.671.820.110	76.429.850.274
Phải trả nhà cung cấp Hàng bách hóa	26.445.042.978	30.053.629.219
Phải trả nhà cung cấp khác	25.652.461.977	21.349.816.068
Cộng	110.769.325.065	127.833.295.561

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Người mua trả tiền trước tiền xăng dầu	381.853.566	203.728.544
Trả trước của khách hàng khác	862.133.405	1.266.813.663
Cộng	1.243.986.971	1.470.542.207

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	129.913.282	1.159.273.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.099.600.410	3.583.544.613
Thuế thu nhập cá nhân	248.502.169	50.088.045
Cộng	3.478.015.861	4.792.905.811

18. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	182.918.873	315.146.013
Chi phí phải trả khác	398.268.476	1.153.123.553
Cộng	581.187.349	1.468.269.566

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	121.017.446	179.039.294
Kinh phí công đoàn	422.937.797	431.561.578
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	62.904.352	3.157.925
Phải trả về cổ phần hóa	213.502.269	216.502.269
Cổ tức phải trả	2.136.806.490	3.187.828.100
Phải trả ngân sách	10.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.789.677.169	2.067.266.962
Cộng	14.746.845.523	18.085.356.128

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	95.793.380.000	1.750.000.000	10.659.293.374	6.458.033.507	25.094.482.227	139.755.189.108
Tăng vốn trong năm trước	25.245.740.000		(6.600.000.000)		(13.856.080.000)	4.789.660.000
Lãi trong năm trước					27.164.322.378	27.164.322.378
Trích các quỹ			4.041.439.251	1.901.169.853	(10.037.174.108)	(4.094.565.004)
Chia cổ tức					(17.424.654.500)	(17.424.654.500)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm Soát					(649.832.968)	(649.832.968)
Biến động khác			148.004.972	23.897.544	453.260.401	625.162.917
Số dư cuối năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	8.248.737.597	8.383.100.904	10.744.323.430	150.165.281.931
Lãi trong năm này					22.897.029.364	22.897.029.364
Trích lập các quỹ			2.489.285.944	1.112.614.076	(6.091.185.965)	(2.489.285.945)
Tạm ứng cổ tức					(15.735.085.600)	(15.735.085.600)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm Soát					(316.248.889)	(316.248.889)
Số dư cuối năm này	121.039.120.000	1.750.000.000	10.738.023.541	9.495.714.980	11.498.832.340	154.521.690.861

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	%	01/01/2013	%
	VND		VND	
Vốn Nhà nước	44.334.250.000	36,63	44.334.250.000	36,63
Vốn góp của đối tượng khác:	76.704.870.000	63,37	76.704.870.000	63,37
+ Nhà đầu tư chiến lược	29.360.240.000	24,25	29.360.240.000	24,25
+ Các cổ đông còn lại	47.344.630.000	39,12	47.344.630.000	39,12
Cộng	121.039.120.000	100,00	121.039.120.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	121.039.120.000	95.793.380.000
Vốn góp tăng trong năm	-	25.245.740.000
Vốn góp cuối năm	121.039.120.000	121.039.120.000
Cổ tức lợi nhuận đã chi trả	(15.735.085.600)	(17.424.654.500)

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.103.912	12.103.912
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.103.912	12.103.912
- Cổ phiếu phổ thông	12.103.912	12.103.912
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.103.912	12.103.912
- Cổ phiếu phổ thông	12.103.912	12.103.912

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

21. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Chi tiết lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư	5.344.875.825	5.344.875.825
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số ở các công ty con	1.318.381.697	1.398.932.695
Các quỹ của cổ đông thiểu số	2.308.143.069	2.092.095.784
Cộng	8.971.400.591	8.835.904.304

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán xăng dầu	1.860.484.983.680	1.910.652.638.021
Doanh thu bán hàng bách hóa	2.089.898.417.770	2.145.716.931.970
Doanh thu khác	331.391.248.670	348.769.824.139
Cộng	4.281.774.650.120	4.405.139.394.130

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	949.859.650	1.013.062.078
Cộng	949.859.650	1.013.062.078

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán xăng dầu	1.860.484.983.680	1.910.652.638.021
Doanh thu thuần bán hàng bách hóa	2.088.948.558.120	2.144.703.869.892
Doanh thu khác	331.391.248.670	348.769.824.139
Cộng	4.280.824.790.470	4.404.126.332.052

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán xăng dầu	1.822.296.646.292	1.881.138.200.833
Giá vốn hàng bán bách hóa	2.022.079.600.922	2.074.320.995.947
Giá vốn khác	310.860.987.658	317.403.348.492
Chi phí dự phòng	(160.996.418)	12.402.575
Cộng	4.155.076.238.454	4.272.874.947.847

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	582.810.124	1.170.561.302
Cổ tức, lợi nhuận được chia	140.595.360	204.054.795
Lãi bán hàng trả chậm	1.939.974.168	2.679.061.700
Doanh thu hoạt động tài chính khác	386.452.866	301.379.250
Cộng	3.049.832.518	4.355.057.047

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	10.838.564.172	10.780.326.046
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.516.783.240)	1.326.715.000
Chi phí tài chính khác	1.233.662.425	968.543.969
Cộng	10.555.443.357	13.075.585.015

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản thưởng, chiết khấu, hỗ trợ bán hàng	16.501.697.134	18.969.805.016
Thu nhập từ khuyến mãi	1.810.383.851	-
Thanh lý tài sản	2.608.718.983	9.802.909
Thu từ các khoản nợ đã xóa	4.468.000	7.613.000
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	106.026.300	-
Thu nhập từ hàng thừa	457.500.917	-
Thu nhập khác	627.839.330	1.373.818.244
Cộng	22.116.634.515	20.361.039.169

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản	529.392.675	-

Phạt hành chính	64.089.157	734.213.047
Chi phí khác	<u>1.249.961</u>	<u>35.402.743</u>
Cộng	<u>594.731.793</u>	<u>769.615.790</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.726.770.256	8.264.378.010
Điều chỉnh chi phí thuế các năm trước		-
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	7.726.770.256	8.264.378.010

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.897.029.364	27.164.322.378
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.897.029.364	27.164.322.378
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.103.912	10.664.843
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.892	2.547

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	60.598.470.122	65.072.150.648
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.343.320.057	20.921.354.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.230.471.175	6.784.038.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.204.963.362	22.469.947.083
Chi phí khác bằng tiền	15.926.726.023	16.952.090.171
Cộng	130.303.950.739	132.199.580.999

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty cổ phần thương mại kỹ thuật và đầu tư Petec – Chi nhánh Cà Mau	Bên liên quan	Mua hàng	582.636.388.446
		Thu tiền cước vận chuyển	1.914.269.700
		Thu tiền cho thuê kho	247.729.020
Công ty TNHH MTV dầu khí thành phố Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Mua hàng	145.391.450.000
Công ty cổ phần Dầu khí Mêkông – Chi nhánh Cà Mau	Bên liên quan	Mua hàng	642.870.753.240

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau :

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV dầu khí thành phố Hồ Chí Minh	Bên liên quan	Mua hàng	63.035.000
Công ty cổ phần Dầu khí Mêkông – Chi nhánh Cà Mau	Bên liên quan	Mua hàng	(34.961.110.710)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.752.464.000	1.405.500.000
Cộng	1.752.464.000	1.405.500.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh của công ty như sau :

- Kinh doanh xăng dầu ;
- Kinh doanh bách hóa tổng hợp ;
- Kinh doanh khác: các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh bách hóa	Kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.865.168.939.686	2.090.872.480.436	346.900.004.863	4.302.941.424.985
Các chi phí trực tiếp	(1.835.563.483.153)	(2.061.276.313.113)	(321.390.399.996)	(4.218.230.196.262)
Kết quả kinh doanh bộ phận	29.605.456.533	29.596.167.323	25.509.604.867	84.711.228.723
Các chi phí không phân bổ				(44.704.570.858)
Thu nhập tài chính				3.049.832.518
Chi phí tài chính				(10.555.443.357)
Lợi nhuận trước thuế				32.501.047.026
Chi phí thuế TNDN				(8.012.385.323)
Lợi nhuận sau thuế trong năm				24.488.661.703
Vào ngày 31/12/2013				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	51.961.095.184	265.198.379.369	60.155.722.286	377.315.196.839
Tiền và các khoản tương đương tiền				40.095.409.628
Các khoản đầu tư				9.401.371.000
Tài sản không phân bổ				101.965.196.383
Tổng tài sản				528.777.173.850
Nợ phải trả của bộ phận	59.053.673.682	30.646.756.174	31.128.748.783	120.829.178.639
Nợ phải trả không phân bổ				244.454.903.759
Tổng nợ phải trả				365.284.082.398

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Năm trước	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh bách hóa	Kinh doanh khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.910.652.638.021	2.144.703.869.892	369.130.863.308	4.424.487.371.221
Các chi phí trực tiếp	(1.881.138.200.833)	(2.074.320.995.947)	(317.415.751.067)	(4.272.874.947.847)
Kết quả kinh doanh bộ phận	29.514.437.188	70.382.873.945	51.715.112.241	151.612.423.374
Các chi phí không phân bổ				(106.222.630.623)
Thu nhập tài chính				4.355.057.047
Chi phí tài chính				(13.075.585.015)
Lợi nhuận trước thuế				36.669.264.783
Chi phí thuế TNDN				(8.314.442.366)
Lợi nhuận sau thuế trong năm				28.354.822.417
Vào ngày 31/12/2012				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	32.540.621.169	181.689.581.157	59.163.888.459	273.394.090.785
Tiền và các khoản tương đương tiền				84.425.423.450
Các khoản đầu tư				10.960.327.700
Tài sản không phân bổ				117.277.831.090
Tổng tài sản				486.057.673.025
Nợ phải trả của bộ phận	74.021.929.290	28.205.184.863	25.606.181.408	127.833.295.561
Nợ phải trả không phân bổ				199.223.191.229
Tổng nợ phải trả				327.056.486.790

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.095.409.628	84.425.423.450	40.095.409.628	84.425.423.450
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.648.522.455	76.699.177.126	104.648.522.455	76.699.177.126
Cho vay	1.350.000.000	2.699.386.700	1.350.000.000	2.699.386.700
Đầu tư tài chính dài hạn	8.499.577.200	8.260.941.000	8.499.577.200	8.260.941.000
Cộng	154.593.509.283	172.084.928.276	154.593.509.283	172.084.928.276
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	226.241.081.937	157.617.334.470	226.241.081.937	157.617.334.470
Phải trả người bán	110.769.325.065	127.833.295.561	110.769.325.065	127.833.295.561
Chi phí phải trả	581.187.349	1.468.269.566	581.187.349	1.468.269.566
Phải trả khác	14.139.985.928	17.471.597.331	14.139.985.928	17.471.597.331
Cộng	351.731.580.279	304.390.496.928	351.731.580.279	304.390.496.928

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2013 (xem thuyết minh V.14). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012 và vào ngày 31/12/2013.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	351.731.580.279	-	351.731.580.279
Các khoản vay và nợ	226.241.081.937		226.241.081.937
Phải trả người bán	110.769.325.065		110.769.325.065
Chi phí phải trả	581.187.349		581.187.349
Phải trả khác	14.139.985.928		14.139.985.928
Số đầu năm	304.390.496.928	-	304.390.496.928
Các khoản vay và nợ	157.617.334.470		157.617.334.470
Phải trả người bán	127.833.295.561		127.833.295.561
Chi phí phải trả	1.468.269.566		1.468.269.566
Phải trả khác	17.471.597.331		17.471.597.331

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH BDO Việt Nam kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại để so sánh với số liệu năm nay.

Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Vạn
Ngày 28 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Việt Ánh